Bản tin

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

TỈNH BÌNH THUẬN

Số 65 (Tháng 12/2023)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH THUẬN
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
KDC Bắc Xuân An - Phan Thiết. ĐT: 3754042. Email: phongtbt.binhthuan@gmail.com

TRONG SỐ NÀY

Nội dung **Trang**

1. Thỏa thuận xanh EU & xuất khẩu của Việt Nam: Trường hợp của ngành nông sản, thực phẩm và dệt may 3-8

2. Điều kiện cơ bản tiếp cận thị trường hương liệu và gia vị EU 8-11

3. Yêu cầu nội dung áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm khi xuất khẩu sang thị trường EU 12-16

4. Trung Quốc quy định kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may nhập khẩu 16-19

5. Tác động của thỏa thuận xanh châu Âu đến việc nhập khẩu hàng hóa vào EU 20-23

6. Nhận diện và thích ứng với Thỏa thuận xanh EU 23-29

7. Tổng hợp danh mục các Tin cảnh báo WTO cần chú ý trong quý IV/2023 30-34

11. Chuyên mục hoạt động TC-ĐL-CL 35-40

THỎA THUẬN XANH EU & XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM
Trường hợp của ngành nông sản, thực phẩm và dệt may

Thị trường Liên minh châu Âu (EU) là một trong các điểm đến quan trọng hàng đầu của xuất khẩu Việt Nam. Tuy nhiên, EU cũng là khu vực đi đầu thế giới trong các nỗ lực chuyển dịch xanh và trung hòa phát thải, đặc biệt là trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh Châu Âu (EGD) – Gói các sáng kiến chính sách xanh bao trùm tất cả các lĩnh vực kinh tế của EU, với các tác động trực tiếp tới hàng hóa nhập khẩu vào EU.

Những quy định gần đây của EU về cấm nhập khẩu một số loại nông sản từ đất phá rừng (EUDR), về yêu cầu khai báo và nộp thuế phát thải carbon đối với sắt thép nhập khẩu (CBAM), về giảm hạn mức dư lượng kháng sinh, chất tồn dư tối đa trong thực phẩm nhập khẩu… chỉ là một số trong nhiều hành động của EU triển khai Thỏa thuận Xanh. Theo kế hoạch, EU đang và sẽ đặt ra nhiều tiêu chuẩn xanh khắt khe khác đối với hàng hóa nhập khẩu, trong đó có hàng hóa từ Việt Nam. Quan trọng hơn, nhiều thị trường xuất khẩu khác cũng đang có dự kiến thực hiện các chính sách tương tự EU.

Bản tin TBT Bình Thuận xin giới thiệu **Báo cáo "Thỏa thuận Xanh EU và Xuất khẩu của Việt Nam – Trường hợp của ngành nông sản, thực phẩm và dệt may"** do Viện FNF Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (Trung tâm WTO và Hội nhập) xây dựng. Báo cáo này được công bố tại Hội thảo "Thỏa thuận Xanh EU và Tác động tới xuất khẩu Việt Nam" do VCCI phối hợp với Viện FNF tổ chức tại Hà Nội ngày 16/11/2023.

Nguồn: trungtamwto.vn

****

WTO CENTER VCCI TRUNG TÂM WTO
TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

FRIEDRICH NAUMANN FOUNDATION For Freedom. Việt Nam

TÓM TẮT BÁO CÁO

THỎA THUẬN XANH EU & XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Trường hợp của ngành nông sản, thực phẩm và dệt may

Thỏa thuận Xanh châu Âu (The European Green Deal - EGD) là Chương trình tổng thể và dài hạn của Liên minh châu Âu (EU) nhằm ứng phó với các vấn đề khẩn cấp về khí hậu toàn cầu đến năm 2050. Được thông qua ngày 15/1/2020, EGD định hình chiến lược của EU để

đạt mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 (trung hòa về phát thải) và trở thành khu vực kinh tế sử dụng ít nhất các nguồn lực tự nhiên vào năm 2050.

Văn kiện Thỏa thuận Xanh chỉ nêu các mục tiêu lớn cần đạt được và các định hướng chiến lược của EU về vấn đề khí hậu mà không trực tiếp đặt ra các tiêu chuẩn hay điều kiện xanh cụ thể. Triển khai thực hiện Thỏa thuận Xanh, EU đang và sẽ xây dựng các Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản chính sách, pháp luật cụ thể (sau đây gọi là các chính sách xanh) trong hầu khắp các lĩnh vực kinh tế. Các chính sách xanh này đặt ra nhiều tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu xanh mới và/hoặc nâng cấp từ các quy định hiện hành, có tác động trực tiếp và/hoặc gián tiếp tới nhiều nhóm chủ thể trong các hoạt động liên quan.

Trong tổng thể, các chính sách xanh của EU được triển khai trên 09 lĩnh vực chính, trong đó có những lĩnh vực có chính sách xanh bao trùm các chủ thể trong và ngoài EU (như Khí hậu, Môi trường và Đại dương, Nông nghiệp), và các lĩnh vực mà chính sách xanh tập trung vào các vấn đề nội bộ của EU là chủ yếu (như Công nghiệp, Năng lượng, Giao thông, Nghiên cứu và Phát triển, Tài chính, và Xây dựng).

Là gói chính sách nội bộ của EU, Thỏa thuận Xanh về lý thuyết chỉ áp dụng cho các chủ thể EU và các đối tượng (hàng hóa, dịch vụ, hoạt động kinh tế) trên thị trường/lãnh thổ khối này. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cụ thể, các chính sách của Thỏa thuận Xanh EU cũng sẽ áp dụng cho các đối tượng ngoài EU, phổ biến là các trường hợp (i) có phạm vi áp dụng là hàng hóa lưu hành, mua bán thương mại, sử dụng, tiêu thụ và/hoặc tạo phát thải tại EU, không phân biệt hàng hóa sản xuất tại EU hay hàng nước ngoài nhập khẩu vào EU; hoặc (ii) được thiết kế để áp dụng riêng cho hàng nhập khẩu vào EU từ bên ngoài nhằm bảo đảm cân bằng với các quy định EU áp dụng cho hàng hóa nội khối EU. Là thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam, EU thực hiện Thỏa thuận Xanh cũng sẽ ảnh hưởng tới một bộ phận đáng kể xuất khẩu của Việt Nam.

Chỉ trong chưa đầy 4 năm triển khai Thỏa thuận Xanh, EU đã có nhiều chính sách xanh đang/dự kiến có ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào khu vực này. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chiến lược "Từ trang trại đến bàn ăn" (Farm to Fork - F2F) nêu các mục tiêu chuyển đổi xanh trong nhiều khía cạnh khác nhau của hoạt động sản xuất, tiêu thụ nông sản thực phẩm. Đối với lĩnh vực sản xuất chế biến, Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn mới (new Circular economy action plan – CEAP) liệt kê 35 chính sách nhằm xây dựng nền kinh tế xanh, sạch, tuần hoàn trong 07 chuỗi sản phẩm mục tiêu (điện tử - công nghệ thông tin, pin và phương tiện vận tải, bao bì đóng gói, nhựa, dệt may, xây dựng, thực phẩm và các sản phẩm dinh dưỡng). Ngoài ra, còn có một số chính sách khác có phạm vi hẹp hơn nhưng cũng rất đáng chú ý như Chiến lược đa dạng sinh học, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM), Chiến lược hóa chất vì sự bền vững, các chính sách về rác thải tiêu dùng… Danh sách các chính sách xanh liên quan tới hàng nhập khẩu từ bên ngoài vào EU sẽ còn tiếp tục được bổ sung cùng với tiến trình triển khai các mục tiêu trong Thỏa thuận Xanh EU đến năm 2050, mà đặc biệt là trong giai đoạn từ nay tới 2030.

Các chính sách xanh nói trên của EU ảnh hưởng tới xuất khẩu Việt Nam theo các cách thức khác nhau, phổ biến nhất là làm gia tăng các tiêu chuẩn "xanh, bền vững" đối với hàng hóa xuất khẩu (các tiêu chuẩn kỹ thuật xanh mới, hoặc sửa đổi, nâng cấp yêu cầu hoặc mở rộng

diện áp dụng của các tiêu chuẩn hiện có). Nhóm tiếp theo là các quy định gia tăng trách nhiệm tài chính của nhà sản xuất cho các mục tiêu "xanh, bền vững" (dưới dạng các khoản phí bổ sung phải nộp, các loại chứng chỉ trung hòa carbon phải mua…). Và cuối cùng là các đòi hỏi tăng thêm về thủ tục khai báo thông tin, về trách nhiệm giải trình khi nhập khẩu (ví dụ về nguồn gốc xuất xứ đất trồng, về lượng carbon phát sinh trong quá trình sản xuất trên đơn vị sản phẩm…), hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về các khía cạnh "xanh, bền vững" của sản phẩm cho người tiêu dùng (ví dụ về ghi nhãn, về hộ chiếu số cho sản phẩm…).

Với các chính sách xanh được nhận diện tới thời điểm hiện tại của Thỏa thuận Xanh EU, các nhóm sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam được dự báo sẽ chịu tác động mạnh nhất từ quá trình chuyển đổi xanh ở thị trường EU trong thời gian tới bao gồm (i) Sản phẩm điện, điện tử, công nghệ thông tin, máy móc thiết bị, linh kiện liên quan; (ii) Nông sản (đặc biệt là cà phê, điều, hạt tiêu, cacao, thịt,…), thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ; (iii) Thực phẩm các loại (đặc biệt là thực phẩm hữu cơ); (iv) Dệt may, giày dép; (v) Các loại hóa chất, phân bón, pin, ắc quy; (vi) Sắt thép, nhôm, xi măng; và (vii) Bao bì của các loại sản phẩm (nhất là bao bì thực phẩm, hóa chất…).

Thách thức mà Thỏa thuận Xanh đặt ra với xuất khẩu Việt Nam trước hết nằm ở sự thay đổi, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hiệp hội và các chủ thể liên quan. Với tính chất là gói chính sách toàn diện và có lộ trình rất dài, Thỏa thuận Xanh và các chính sách, biện pháp thực thi Thỏa thuận này không chỉ nhiều về số lượng, phức tạp về tính chất, mà còn liên tục phát triển qua thời gian. Không có một bộ các tiêu chuẩn xanh chung, không có một lộ trình chuyển đổi xanh thống nhất cho tất cả các loại hàng hóa xuất khẩu sang EU. Trong khi đó, một Khảo sát nhanh do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện 8/2023 cho thấy có tới 88-93% số người được hỏi chưa từng biết đến hoặc chỉ nghe nói sơ qua tới Thỏa thuận Xanh hoặc các chính sách xanh nổi bật của EU liên quan tới xuất khẩu Việt Nam. Đặc biệt, tỷ lệ các doanh nhân, cán bộ nhân viên, người lao động trong doanh nghiệp biết rõ về Thỏa thuận Xanh EU chỉ ở mức 4%, thấp hơn nhiều so với các nhóm tham gia Khảo sát khác (8-12%). Do đó, việc đầu tiên cần làm để ứng phó với các tác động của Thỏa thuận Xanh EU tới xuất khẩu Việt Nam là chủ động tìm hiểu về Thỏa thuận Xanh để nhận biết, nắm bắt chính xác và thường xuyên cập nhật về các chính sách xanh cụ thể của EU có liên quan tới từng loại sản phẩm xuất khẩu.

Đi sâu hơn vào các yêu cầu của các chính sách xanh, thách thức với các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam nằm ở năng lực tuân thủ các yêu cầu này. Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT), vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) thông thường của EU vốn đã không phải là dễ dàng với nhiều doanh nghiệp, thách thức tất nhiên sẽ còn lớn hơn nhiều với các tiêu chuẩn xanh mới hoặc nâng cấp từ các TBT, SPS hiện tại theo hướng cao hơn, khắt khe và khó khăn hơn. Tùy từng doanh nghiệp, thách thức đó có thể là ở năng lực để chuyển đổi về công nghệ, về kiểm soát chuỗi cung, về kỹ năng của lao động hay về năng lực giải trình, khai báo, lưu trữ thông tin. Đằng sau tất cả các thách thức kỹ thuật này là khả năng chi trả hay đầu tư để chuyển đổi. Với phần lớn các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, hạn chế cả về vốn, công nghệ và năng lực quản trị, lại đang trong giai đoạn kinh doanh đầy

biến động như hiện tại, việc ứng phó với các thách thức từ Thỏa thuận Xanh là nhiệm vụ rất khó khăn.

Tuy nhiên, nếu có sự chuẩn bị từ sớm, việc đáp ứng các yêu cầu xanh của EU trên thực tế vẫn có thể là khả thi với phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang xuất khẩu sang EU. Một mặt, tất cả các chính sách xanh của EU đều được công khai dự thảo và tham vấn ý kiến công chúng trong một khoảng thời gian rất dài trước khi được quyết định thông qua. Kể cả khi có hiệu lực, các chính sách này đều có lộ trình triển khai từng bước, với các yêu cầu khó chỉ phải thực thi đầy đủ sau một khoảng thời gian dài. Mặt khác, không phải mọi tiêu chuẩn xanh đều yêu cầu chi phí tuân thủ cao mà có thể là yêu cầu thay đổi trong cách thức hành động (ví dụ các yêu cầu về khai báo phát thải, về thông tin đối với sản phẩm…). Đồng thời, một số trường hợp, các tiêu chuẩn xanh EU được pháp luật hóa từ các tiêu chuẩn tự nguyện trước đó mà doanh nghiệp đã thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, do đó có thể không đòi hỏi thay đổi quá lớn với doanh nghiệp.

Mặc dù trước mắt các chính sách xanh của EU đặt ra những thách thức lớn cho xuất khẩu Việt Nam, nhưng trong lâu dài, việc thực hiện chủ động chuyển đổi xanh một cách đồng bộ và toàn diện có thể mang lại những cơ hội nhất định cho doanh nghiệp. Từ góc độ thị trường, đây là cách thức tốt nhất để doanh nghiệp có thể đi trước một bước, tiếp cận sớm thị trường các sản phẩm xanh đầy tiềm năng của EU với tệp khách hàng có ý thức tiêu dùng xanh đang gia tăng mạnh mẽ của khu vực này. Đồng thời, thích ứng sớm với các yêu cầu xanh ở EU cũng mang đến sự bảo đảm nhất định cho khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp đi các thị trường phát triển khác vốn cũng đang thúc đẩy các hành động nhằm thực hiện các mục tiêu khí hậu tương tự EU (như Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản, Australia…). Từ góc độ hiệu quả, chuyển đổi xanh mặc dù có thể yêu cầu đầu tư ban đầu cao nhưng lại có thể là nhân tố giúp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp trong dài hạn. Không những thế, trên bình diện vĩ mô, việc từng doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh trong nội địa nền kinh tế, từ đó đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển bền vững của chính Việt Nam.

Trước các chính sách xanh này của EU, doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trong các ngành bị ảnh hưởng được khuyến nghị cần (i) theo dõi sát diễn tiến các chính sách xanh ở EU; (ii) nhận diện kịp thời, chính xác các tiêu chuẩn xanh cụ thể có liên quan tới sản phẩm của mình; và (iii) có sự chuẩn bị, đầu tư và hành động từ sớm, từ xa để dần thích ứng, và bảo đảm khả năng tuân thủ các yêu cầu bắt buộc khi EU áp dụng chính thức. Từ góc độ của mình, các cơ quan Nhà nước, hiệp hội, tổ chức khác có thể hỗ trợ hiệu quả cho quá trình thích ứng với các tiêu chuẩn xanh EU này của doanh nghiệp thông qua việc (i) cung cấp thông tin kịp thời, chuẩn xác và chi tiết về các tiêu chuẩn xanh EU theo nhóm

sản phẩm cụ thể; (ii) tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện; và (iii) phối hợp với phía EU trao đổi về cách thức thực thi phù hợp, về các hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp Việt Nam, nếu có.

Nông sản thực phẩm là một trong các nhóm sản phẩm của Việt Nam có tiềm năng xuất khẩu mang lại giá trị cao ở thị trường EU. Đây cũng là lĩnh vực tập trung nhiều chính sách xanh của EU. Nổi bật trong số đó là Chiến lược "Từ trang trại đến bàn ăn" với các định hướng quan

trọng về (i) giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng và dư lượng tối đa cho phép đối với các chất trong nông sản thực phẩm; (ii) giảm lượng thuốc kháng sinh được phép sử dụng trên động vật và dư lượng trong các loại thịt, thủy sản; (iii) tăng cường các yêu cầu xanh về thiết kế, chất liệu các loại bao bì đóng gói thực phẩm; (iv) điều chỉnh cách thức ghi nhãn, vị trí nhãn, tăng cường các thông tin phải cung cấp cho người tiêu dùng về các đặc tính xanh của sản phẩm; (v) thay đổi các yêu cầu về cách thức nuôi nhốt, vận chuyển, giết mổ vật nuôi… Ngoài ra, một số chính sách xanh khác cũng có ảnh hưởng trực tiếp tới việc sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sang EU vào thời điểm hiện tại như Quy định về chống phá rừng – EUDR, hoặc có thể là trong tương lai như Quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới - CBAM… (nếu các chính sách này mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng ra cả các sản phẩm nông sản thực phẩm).

Với dệt may Việt Nam, EU đã và đang là thị trường xuất khẩu quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với EU, dệt may lại đứng trong tốp đầu các ngành làm suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, do đó dệt may cũng thuộc nhóm tập trung nhiều nỗ lực xanh nhất của EU. Phần lớn các chính sách xanh của EU về dệt may được tập trung tại Chiến lược của EU đối với dệt may tuần hoàn và bền vững với các định hướng chính sách về (i) thiết kế sinh thái (thiết kế bảo đảm độ bền, khả năng sửa chữa, tái chế…); (ii) tăng cường thông tin qua hộ chiếu số của sản phẩm, các yêu cầu thông tin nhằm chống gian dối về tính xanh (greenwashing); (iii) hạn chế tối đa phát tán hạt vi nhựa từ sản phẩm dệt may ra môi trường; (iv) giảm thiểu các hóa chất độc hại trong sợi; (v) áp dụng trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất… Ngoài ra, một số chính sách xanh khác cũng có thể sẽ mở rộng diện áp dụng ra các sản phẩm dệt may như Chỉ thị về khí thải công nghiệp, Lộ trình chuyển đổi cho hệ sinh thái dệt may trong tương lai, Cam kết tiêu dùng bền vững, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM)…

Trong so sánh với nhiều lĩnh vực khác, các chính sách xanh của EU đối với nông sản, thực phẩm và dệt may được đánh giá là phức tạp và thách thức hơn đáng kể bởi phần lớn đều (i) có phạm vi áp dụng bao trùm tất cả các sản phẩm nông sản thực phẩm và dệt may (mà không phải chỉ một số loại cụ thể trong các nhóm này); (ii) được luật hóa dưới dạng các yêu cầu pháp lý tối thiểu, bắt buộc thực hiện (mà không phải là các khuyến nghị khuyến khích thực hiện); (iii) bao gồm các tiêu chuẩn, biện pháp, quy định tác động đến nhiều khâu trong chuỗi sản xuất (từ thiết kế mẫu mã đến nguyên phụ liệu, từ sản xuất, nuôi trồng đến vận chuyển, từ sử dụng đến sửa chữa, từ thải bỏ đến tái chế…) mà không phải chỉ áp dụng với thành phẩm cuối cùng.

Mặc dù thách thức là chủ yếu, các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản thực phẩm và dệt may Việt Nam cũng có một số thuận lợi nhất định trong tổ chức triển khai các chính sách xanh EU. Thứ nhất, do hầu hết các chính sách hiện nay mới chỉ là ở dạng dự thảo, chưa phải là các quy định có hiệu lực bắt buộc áp dụng, các doanh nghiệp vẫn còn thời gian nhất định để tìm hiểu và chuẩn bị. Thứ hai, một số yêu cầu xanh (nhất là đối với dệt may hoặc thực phẩm hữu cơ) trên thực tế đã khá quen thuộc với nhiều doanh nghiệp Việt Nam (do có nội dung tương tự với các Bộ quy tắc tự nguyện mà khách hàng EU yêu cầu trước nay), vì vậy, việc chuyển đổi có thể sẽ không quá khó khăn. Thứ ba, tương tự các lĩnh vực khác, các chính sách xanh trong lĩnh vực nông sản thực phẩm và dệt may phần lớn sẽ có lộ trình thực thi dài, mức độ

yêu cầu sẽ được nâng dần, mà không phải là áp dụng đầy đủ các nghĩa vụ ngay khi các chính sách này có hiệu lực.

Vì vậy, ngoài các giải pháp chung cho tất cả các ngành bị ảnh hưởng bởi Thỏa thuận Xanh EU, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm và dệt may Việt Nam sang EU được khuyến nghị cần (i) quan tâm theo dõi sát xu hướng xanh ở EU, đặc biệt là các chính sách, quy định pháp luật cụ thể triển khai Chiến lược "Từ trang trại tới bàn ăn" (F2F) và Chiến lược Dệt may tuần hoàn và bền vững của EU (ii) chủ động, phối hợp chặt chẽ với khách hàng và các đơn vị liên quan trong cập nhật quá trình soạn thảo, thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn, quy định xanh cụ thể liên quan tới sản phẩm của mình; và (iii) có hành động chuẩn bị phù hợp, chủ động và tích cực để sẵn sàng tuân thủ. Với riêng ngành dệt may, ngoài các yêu cầu từ Thỏa thuận Xanh, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chiến lược chuyển đổi xanh của riêng mình ngay từ bây giờ nhằm đáp ứng theo lộ trình hợp lý các yêu cầu xanh từ phía người tiêu dùng và khách hàng, từ đó, bảo đảm khả năng duy trì thị trường xuất khẩu một cách bền vững./

==========

Điều kiện cơ bản tiếp cận thị trường gia vị và hương liệu EU

(Congthuong.vn) Để thâm nhập vào thị trường châu Âu, doanh nghiệp xuất khẩu gia vị, hương liệu Việt phải đáp ứng các yêu cầu về độ ẩm, dư lượng thuốc bảo vật, chất gây ô nhiễm.

Dự địa phát triển còn nhiều

Hiện nay, quế, hồi hay các gia vị và hương hiệu Việt Nam được tiêu thụ mạnh ở nhiều khu vực Nam Á (như Ấn Độ, Bangladesh), Trung Đông (UAE, Pakistan), Đông Á (Nhật Bản, Đài Loan - Trung Quốc, Hàn Quốc), Mỹ và các nước thuộc Liên minh Châu Âu - EU. Trước xu hướng gia tăng nhu cầu nguyên liệu trong các ngành công nghiệp thực phẩm, hóa mỹ phẩm, dược phẩm... cùng nhiều hiệp định thương mại tự do được ký kết, sản phẩm quế, hồi và các gia vị, hương liệu Việt Nam có thêm động lực, thời cơ phát triển.

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho biết, đối với gia vị và hương liệu, các quốc gia châu Âu mang lại nhiều cơ hội nhất là Đức, Vương quốc Anh, Hà Lan và Tây Ban Nha. Trong đó, gừng, nghệ là các sản phẩm có nhu cầu cao nhất và hạt tiêu, vani, quế vẫn là những sản phẩm có thị trường lớn tại châu Âu. Ngoài ra, hạt nhục đậu khối nói riêng cũng có sự tăng trưởng đáng kể trong thời gian gần đây.

Cũng theo thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU, châu Âu là một trong những khu vực nhập khẩu gia vị và hương liệu hàng đầu, chiếm khoảng 1/4 tổng lượng nhập khẩu của thế giới. Năm 2021, châu Á là thị trường nhập khẩu gia vị và hương liệu hàng đầu với 45% thị phần, tiếp theo là châu Âu (28%),

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU nhận định, gia vị và hương liệu Việt Nam là những sản phẩm tiềm năng để xuất khẩu sang thị trường EU

Từ năm 2019 đến năm 2021, thị trường châu Âu tiếp tục tăng nhập khẩu đặc biệt nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Nhập khẩu gia vị và hương liệu trong giai đoạn này tăng với tốc độ hàng năm là 9,0%, đạt 1,8 tỷ euro và chiếm 60% lượng nhập khẩu của châu Âu.

Với những số liệu trên, Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU nhận định, gia vị và hương liệu là những sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam sang thị trường châu Âu trong thời gian tới. Do vậy, để thâm nhập vào thị trường khó tính này, các doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng một số yêu cầu khắt khe như về yếu tố độ ẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, vấn đề chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm...

Các điều kiện tiếp cận thị trường hương liệu, gia vị EU

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU nhấn mạnh, hiện nay, thị trường châu Âu ngày càng quan tâm đến các loại gia vị có nguồn gốc bền vững, trong đó chứng nhận đóng vai trò quan trọng. Đầu tiên là vấn đề kiểm soát thực phẩm chính thức.

Thực phẩm nhập khẩu vào Liên minh châu Âu (EU) phải chịu sự kiểm soát thực phẩm chính thức. Những biện pháp kiểm soát này bao gồm việc kiểm tra thường xuyên có thể được thực hiện khi nhập khẩu (tại biên giới) hoặc sau đó, khi thực phẩm đã được phân phối lưu thông tại EU, chẳng hạn như tại cơ sở của nhà nhập khẩu. Việc kiểm soát nhằm kiểm tra xem sản phẩm có đáp ứng các yêu cầu hợp pháp hay không.

"Tất cả các doanh nghiệp thực phẩm bên ngoài châu Âu, quá trình sản xuất ngay từ đầu phải áp dụng, thực hiện và duy trì một quy trình dựa trên các nguyên tắc HACCP", Thương vụ thông tin và nhấn mạnh, điều này là biện pháp kiểm soát chính thức không được thay thế bằng các chứng chỉ khác. Quy định áp dụng HACCP là một yếu tố quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng của các công ty nhằm trở thành nhà cung cấp thành công cho thị trường châu Âu.

Để mở rộng thị phần của sản phẩm gia vị và hương liệu Việt Nam tại thị trường EU, doanh nghiệp cần tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các kênh truyền thông, các hội chợ, triển lãm...

Thứ hai là kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Các sản phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá mức cho phép sẽ bị loại khỏi thị trường châu Âu. Vào năm 2022, 65% cảnh báo các vấn đề được báo cáo trong Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASFF) liên quan đến mức độ vi phạm ngưỡng Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) hoặc các hoạt chất không nằm trong danh mục được cho phép. Đơn cử như mức độ quá mức thường thấy nhất trong các loại gia vị và hương liệu là Ethylene oxit (ETO) và chất chuyển hóa của nó là 2-chloroetanol (2-CE; Chlorpyrifos: MRL là 0,01 mg/kg đối với gia vị và hương liệu; Anthraquinone: MRL là 0,02 mg/kg; Cypermethrin: MRL là 0,02 mg/kg đối với gừng và nghệ và 0,01 mg/kg đối với các loại gia vị khác.

Thứ ba là yếu tố độ ẩm. Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho biết, mức dư lượng trong gia vị và hương liệu khô cao hơn trong sản phẩm tươi. Điều này phải được tính đến khi đánh giá mức dư lượng vì MRL dựa trên sản phẩm tươi sống.

Đối với các loại hương liệu và gia vị khô, Điều 20 của quy định MRL cho phép ngoại lệ đối với MRL do quá trình sấy khô gây ra. Hiệp hội Gia vị châu Âu (ESA) khuyến nghị hệ số khử nước cụ thể cho gia vị và hương liệu, từ 3 đối với tỏi khô đến 13 đối với lá rau mùi. Những yếu tố khử nước này không áp dụng cho hạt gia vị.

Thứ tư, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tại Liên minh châu Âu, thuốc trừ sâu tổng hợp không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ. Trong thực tế, mức dư lượng rất thấp (thường là 0,01 mg) được cho phép nếu doanh nghiệp có thể chứng minh đó là kết quả của sự lây nhiễm chéo và không phải do sử dụng thuốc trừ sâu bất hợp pháp.

Cùng với đó, Thương vụ lưu ý, chất gây ô nhiễm thực phẩm là những chất không được cố ý bổ sung thêm vào thực phẩm. Chúng có thể hiện diện trong các loại hương liệu và gia vị do quá trình sản xuất, đóng gói, vận chuyển, bảo quản hoặc ô nhiễm môi trường. Chất gây bảo quản có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng. Để giảm thiểu những rủi ro này, EU đã đặt ra mức tối đa đối với một số chất gây bảo quản trong thực phẩm và nguyên liệu.

Thứ năm, vấn đề kiểm dịch thực vật. Hiện nay, EU kiểm tra các sản phẩm thực phẩm để bảo vệ con người, động vật và thực vật khỏi bệnh tật và sâu bệnh. Các công cụ phổ biến là kiểm tra thực phẩm và chứng nhận kiểm dịch thực vật. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đặc biệt được cấp cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật có thể được tái sản xuất ở châu Âu sau khi nhập khẩu, chẳng hạn như đối với thực phẩm có chứa hạt giống.

Doanh nghiệp kinh doanh hương liệu và gia vị chỉ yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hạt giống dùng để gieo trồng và đối với các loại hương liệu và gia vị tươi, chẳng hạn như tỏi, gừng và các loại cây hương liệu tươi.

Thứ sáu là vấn đề ghi nhãn và đóng gói. Tại EU, việc ghi nhãn các loại hương liệu và gia vị cần được chú ý cẩn thận. Tổng quan về RASFF năm 2022 có 7 vấn đề ghi nhãn, tất cả đều liên quan đến chất gây dị ứng. Trong một số trường hợp, phần khai báo về chất gây dị ứng bị thiếu. Trong các trường hợp khác, bản thân sản phẩm không được đánh dấu là chất gây dị ứng (mù tạt, cần tây). Vừng cũng được phát hiện là chất gây dị ứng không được công bố.

Thực phẩm nhập khẩu vào EU phải đáp ứng quy định về ghi nhãn thực phẩm. Nhãn bao bì số lượng lớn phải có: Tên và chủng loại sản phẩm; Mã lô hàng; Trọng lượng tịnh theo hệ mét; Thời hạn sử dụng của sản phẩm hoặc tốt nhất trước ngày và điều kiện bảo quản được khuyến nghị; Mã số lô hàng; Nước xuất xứ; và tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà đóng gói, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu...

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho rằng, để có thể mở rộng thị phần của sản phẩm gia vị và hương liệu Việt Nam tại thị trường EU, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần đặc biệt chú trọng đến các yêu cầu khắt khe của thị trường như đã kể trên. Bên cạnh đó, tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hương liệu, gia vị của Việt Nam trên các phương tiện truyền thông; tham gia quảng bá tại các hội chợ, triển lãm chuyên ngành lớn tại EU và của nhiều nước trên thế giới.

Khánh An

Yêu cầu nội dung áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm khi xuất khẩu sang thị trường EU

(VietQ.vn) - Để nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ xuất khẩu, việc yêu cầu truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm nên là điều kiện bắt buộc đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Căn cứ vào yêu cầu của thị trường EU, các doanh nghiệp lưu ý một số nội dung cần thực hiện trong truy xuất nguồn gốc đối với một số loại thực phẩm của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường mục tiêu này.

Theo quy định trong các luật của EU, "truy xuất nguồn gốc" có nghĩa là khả năng theo dõi bất kỳ loại thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, động vật hoặc chất sản xuất thực phẩm nào sẽ được sử dụng để tiêu thụ, thông qua tất cả giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối. Những nội dung cơ bản cần triển khai khi áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với một số thực phẩm xuất sang Châu Âu, giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam có được công cụ hữu ích nhằm phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc, phục vụ xuất – nhập khẩu.

Sử dụng vật mang dữ liệu và các mã truy vết

Hiện nay, EU chưa quy định cụ thể vật mang dữ liệu bắt buộc sử dụng cho truy xuất nguồn gốc mà chỉ khuyến nghị sử dụng mã vạch GS1 – Tổ chức Mã số mã vạch toàn cầu, trong đó ưu tiên sử dụng GS1 DataMatrix.

Các mã truy vết của GS1 cung cấp sự định danh cần thiết cho các mảnh vườn, vùng canh tác, các lô/mẻ của từng loại cây trồng. Đối với nông nghiệp thông minh, các mã truy vết của GS1 kết hợp với cảm biến có liên quan tạo ra mạng lưới IoT phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Nhờ vậy mà hệ thống truy xuất nguồn gốc có thể đem lại những giá trị sau: Cung cấp thông tin chi tiết về lịch trang trại trước khi vụ mùa được chuyển thành sản phẩm cuối cùng; Dữ liệu cảm biến tổng hợp khám phá khả năng của cánh đồng để sản xuất cây trồng và thực phẩm chất lượng thông qua dữ liệu cảm biến tổng hợp; Biện minh cho sự tập trung vào môi trường của nông dân vì dữ liệu IoT chứng minh sự cần thiết của một số ứng dụng trang trại nhất định; Phát huy lợi thế thực phẩm sản xuất trong khu vực; Tạo cơ hội tiềm năng cho các chiến dịch tiếp thị kỹ thuật số sáng tạo thông qua giao tiếp trực tiếp giữa người tiêu dùng và nông dân, và hợp tác xã;

Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải có khả năng chia sẻ thông tin cho các bên tham gia và cung cấp khả năng giám sát hoàn toàn các sự kiện bắt đầu từ ngày gieo trồng của vụ mùa đến các sự kiện kết thúc của vòng đời sản phẩm. Nhờ hệ thống truy xuất nguồn gốc mà doanh nghiệp giảm được chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng của sản phẩm.

Mã số địa điểm toàn cầu GLN (hoặc SGLN) được sử dụng làm mã truy vết địa điểm để định danh đơn nhất cho lô/thửa.

Mã số sản phẩm toàn cầu GTIN (hoặc LGTIN) được sử dụng làm mã truy vết sản phẩm để định danh đơn nhất cho từng loại cây trồng và lô/mẻ cụ thể của nó khi được sản xuất;

Mã số toàn cầu phân định tài sản riêng GIAI được sử dụng làm mã truy vết tài sản để định danh đơn nhất các vật dụng, cảm biến... đang sử dụng trong quá trình sản xuất.

Để nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, truy xuất nguồn gốc là một trong những yêu cầu bắt buộc.

Để lưu trữ và chia sẻ thông tin truy xuất nguồn gốc, hệ thống sử dụng cơ sở dữ liệu sự kiện với tiêu chuẩn dịch vụ thông tin mã điện tử sản phẩm (EPCIS). EPCIS là tiêu chuẩn GS1 cho phép các bên tham gia chia sẻ thông tin về chuyển động vật lý và trạng thái của sản phẩm khi chúng di chuyển trong toàn bộ chuỗi cung ứng - từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác và cuối cùng là đến người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này giúp trả lời các câu hỏi 5W gồm "cái gì, ở đâu, khi nào và tại sao" để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và cơ quan quản lý về thông tin sản phẩm chính xác và chi tiết.

Tuân thủ quy định về pháp lý

Luật Thực phẩm chung của EU có hiệu lực vào năm 2002 quy định việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi. Trong nội dung của Luật yêu cầu tất cả nhà khai thác thực phẩm và thức ăn chăn nuôi thực hiện các hệ thống truy xuất nguồn gốc đặc biệt. Các bên tham gia bắt buộc phải có khả năng xác định sản phẩm của họ đến từ đâu, sẽ đi đâu và nhanh chóng cung cấp thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền.

EU đã công bố các hướng dẫn (có sẵn trên trang web của Ủy ban Châu Âu) yêu cầu các doanh nghiệp ghi lại tên và địa chỉ nhà cung cấp và khách hàng trong từng trường hợp, cũng như

bản chất của sản phẩm và ngày giao hàng. Đơn vị vận hành cũng được khuyến khích lưu giữ thông tin về khối lượng hoặc số lượng sản phẩm, số lô nếu có và mô tả chi tiết hơn về sản phẩm, chẳng hạn như sản phẩm đó là nguyên liệu thô hay đã qua chế biến.

Ngoài các yêu cầu chung, luật cụ thể theo ngành áp dụng cho một số loại sản phẩm thực phẩm (rau quả, thịt bò, cá, mật ong, dầu ô liu) để người tiêu dùng có thể xác định nguồn gốc và tính xác thực của chúng. Ngoài ra còn có các quy tắc truy xuất nguồn gốc đặc biệt đối với các sinh vật biến đổi gen (GMO), đảm bảo rằng hàm lượng biến đổi gen (GM) trong sản phẩm có thể được truy xuất và yêu cầu ghi nhãn chính xác để người tiêu dùng có thể đưa ra lựa chọn sáng suốt.

Đối với động vật, giờ đây các nhà sản xuất phải "gắn nhãn" cho từng con với dữ liệu về nguồn gốc của chúng và khi động vật được đưa đi giết mổ, hãy đóng dấu mã truy xuất nguồn gốc của lò mổ. Các công cụ được sử dụng (thẻ đeo tai, hộ chiếu, mã vạch) có thể khác nhau giữa các quốc gia nhưng phải mang cùng một thông tin.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đáp ứng các điều kiện nào?

Chuỗi sản xuất thực phẩm và thức ăn chăn nuôi thường bao gồm nhiều bước, từ nhập khẩu hoặc sản xuất sơ bộ sản phẩm đến bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Ở mọi giai đoạn, các doanh nghiệp thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên và EU đã xác định rõ ràng vai trò, trách nhiệm và cần có phản ứng thích hợp khi nhận diện được rủi ro.

Đơn vị điều hành phải đảm bảo ở tất cả giai đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý, chuyển đổi, chế biến, bảo quản, đưa ra thị trường, phân phối, sử dụng và tiêu hủy trong phạm vi kinh doanh mà mình kiểm soát rằng phụ phẩm và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật đáp ứng các yêu cầu của Quy định EU có liên quan đến hoạt động của họ.

Các quốc gia thành viên của EU sẽ giám sát và xác minh rằng các yêu cầu liên quan của quy định này được đáp ứng bởi các bên liên quan trên toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm, thông thường họ sẽ duy trì hệ thống kiểm soát chính thức phù hợp với pháp luật có liên quan của cộng đồng EU.

Một số thông tin bắt buộc cần lưu ý

Đối với bên sản xuất:

Phải ghi rõ trên nhãn sản phẩm các thông tin về tên nhà sản xuất, tên thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký địa chỉ liên lạc, trên bao bì hoặc trong tài liệu đi kèm với sản phẩm.

Địa chỉ phải biểu thị một điểm duy nhất có thể liên lạc với nhà sản xuất.

Các chi tiết liên lạc sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu với những người dùng cuối và các cơ quan giám sát thị trường.

Đối với bên nhập khẩu:

Phải ghi rõ trên nhãn sản phẩm các thông tin về tên bên nhập khẩu, tên thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và địa chỉ liên lạc, trên bao bì hoặc trong tài liệu đi kèm với thiết bị.

Các chi tiết liên lạc sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu với những người dùng cuối và các cơ quan giám sát thị trường.

Bên nhập khẩu sẽ được coi như bên sản xuất và phải tuân theo các nghĩa vụ cho bên sản xuất, khi bên nhập khẩu đưa sản phẩm ra thị trường dưới tên, nhãn hiệu thương mại của mình hoặc thay đổi sản phẩm đã được đưa ra thị trường theo cách thức mô tả sản phẩm có thể bị ảnh hưởng.

Đối với bên phân phối:

Khi đưa sản phẩm ra thị trường, mọi nhà nhập khẩu phải ghi rõ trên nhãn sản phẩm các thông tin về tên của bên phân phối, tên thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và địa chỉ liên lạc.

Các trường hợp ngoại lệ nên được dự phòng trong các trường hợp kích thước hoặc trạng thái của sản phẩm không cho phép. Điều này bao gồm các trường hợp nhà nhập khẩu phải mở bao bì để ghi tên và địa chỉ của mình lên sản phẩm.

Bên phân phối sẽ được coi là nhà sản xuất và phải tuân theo nghĩa vụ cho bên sản xuất, khi bên phân phối đưa sản phẩm ra thị trường dưới tên hoặc nhãn hiệu thương mại của mình hoặc

thay đổi sản phẩm đã được đưa ra thị trường theo cách thức mô tả sản phẩm có thể bị ảnh hưởng.

Đối với thông tin tên và địa chỉ:

Tên và địa chỉ của bên liên quan bắt buộc phải được thể hiện trên nhãn sản phẩm; Trừ trường hợp có chứng minh việc thể hiện là không thể trong điều kiện kinh tế và kỹ thuật hợp lý;

Địa chỉ phải chỉ ra một địa điểm duy nhất có thể liên lạc được với bên sản xuất, đặc biệt ưu tiên cho các cơ quan giám sát thị trường. Thông tin này bắt buộc phải thể hiện trên sản phẩm, ngược lại trên nhãn sản phẩm chỉ được thể hiện duy nhất một địa điểm liên lạc. Điểm này không nhất thiết phải là địa chỉ nơi nhà sản xuất được thành lập trên thực tế. Ví dụ, địa chỉ này có thể là địa chỉ của đại diện được ủy quyền hoặc của các dịch vụ khách hàng.

Địa điểm liên lạc duy nhất không nhất thiết phải ở mọi quốc gia thành viên nơi sản phẩm được cung cấp.

Địa chỉ hoặc quốc gia không nhất thiết phải được dịch sang ngôn ngữ của quốc gia thành viên nơi sản phẩm được cung cấp trên thị trường nhưng các ký tự của ngôn ngữ được sử dụng phải cho phép xác định nguồn gốc và tên của công ty.

Thông thường, địa chỉ phải bao gồm tên đường và số nhà/số hộp thư, mã bưu điện và phường/thị trấn, nhưng một số quốc gia có thể khác với mô hình này.

Những yêu cầu nội dung áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm khi xuất khẩu sang thị trường EU giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam nắm rõ để xây dựng được hệ thống truy xuất nguồn gốc, nhằm quảng bá và tăng uy tín về chất lượng sản phẩm thực phẩm của Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường quan trọng này.

Trong quá trình áp dụng nội dung trên đây, những yêu cầu hướng dẫn truy xuất nguồn gốc được đề cập đến chỉ là sự kiện chính trong chuỗi cung ứng thực phẩm, thực tế tùy thuộc vào nhà sản xuất, doanh nghiệp với dây chuyền, công nghệ sản xuất từng loại thực phẩm mà thực hiện, áp dụng một cách linh hoạt.

Nguyễn Đắc Minh - Bùi Bá Chính - Phạm Xuân Thảo

Trung Quốc quy định kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may nhập khẩu

(Congthuong.vn) Trung Quốc vừa ban hành Lệnh 259 về biện pháp hành chính trong hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may nhập khẩu vào thị trường này.

Vụ Khoa học và Công nghệ (Bộ Công Thương) cho biết: Với mục tiêu chuẩn hóa việc chấp nhận kết quả kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, ngày 20/9/2023, Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành Lệnh số 259 quy định các biện pháp hành chính đối với việc kiểm tra và chấp nhận hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Trung

Quốc và Thông báo số 120 (*có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022*) về việc áp dụng các quy định tại Lệnh số 259 đối với sản phẩm may mặc.

Để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc thông qua biện pháp giám định chất lượng được quy định tại Lệnh số 259, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 7006/BCT-KHCN ngày 09 tháng 10 năm 2023 đề nghị các Tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nghiên cứu, xây dựng phương án tổ chức triển khai: Lệnh số 259 (*chi tiết tại địa chỉ: https://www.gov.cn/gongbao/content/2022/content_5722383.htm*); Thông báo số 120: *http://www.customs.gov.cn/customs/302249/302266/302267/4717164/index.html.*

Trung Quốc nhiều năm qua liên tục duy trì vị trí đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, Việt Nam cũng là đối tác thương mại lớn thứ 6 của Trung Quốc trên thế giới (năm 2022) và là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong ASEAN.

Kim ngạch thương mại với Trung Quốc chiếm khoảng 1/4 tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam.

Lệnh số 259 quy định các biện pháp hành chính đối với việc kiểm tra và chấp nhận hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc. Ảnh minh họa

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực bao gồm Việt Nam, Trung Quốc đứng trước nhiều khó khăn thách thức, kim ngạch thương mại giữa hai nước đã giảm 14% trong 6 tháng đầu năm, chỉ đạt 75,58 tỷ USD, trong đó xuất khẩu giảm 1%, nhập khẩu giảm 19,4%.

Trung Quốc tuy vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam Nam nhưng Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 9 của Trung Quốc, tụt 03 bậc so với năm 2022. Do vậy, vai trò quan trọng của thị trường Trung Quốc trong hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, Bộ Công Thương đã có những giải pháp nhằm khắc phục tình hình, tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy tạo thuận lợi thương mại, qua đó từng bước khôi phục lại đà tăng trưởng của thương mại Việt – Trung.

Theo đó, ngày 11/9/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên đã ký ban hành Chỉ thị số 12/CT-BCT về việc triển khai các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong trao đổi thương mại, duy trì ổn định xuất nhập khẩu với thị trường Trung Quốc, góp phần ổn định kim ngạch ngoại thương của Việt Nam, Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ số.

Tại Chỉ thị số 12, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên yêu cầu các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ tập trung triển khai các nhiệm vụ và giải pháp.

Cụ thể, Vụ Thị trường châu Á - châu Phi: Nâng cao hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương với các Ban, ngành và địa phương có quan hệ truyền thống như Ủy ban hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc, Nhóm Công tác thuận lợi hóa thương mại Việt – Trung…; Chủ trì triển khai hiệu quả các cơ chế hợp tác đã có và thúc đẩy thiết lập các cơ chế hợp tác mới với Chính quyền địa phương Trung Quốc…; Phát huy vai trò Nhóm Công tác thuận lợi hóa hương mại Việt – Trung và Cơ chế liên hợp giải quyết tình trạng ùn tắc tại các cửa khẩu biên giới và hợp tác phòng chống dịch nhằm thúc đẩy các Bộ, ngành địa phương Trung Quốc kịp thời phối hợp khắc phục (nếu xảy ra) hiện tượng ùn ứ hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu biên giới…; Chỉ đạo đôn đóc các Thương vụ/ Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Trung Quốc tăng cường các hoạt động hỗ trợ kết nối tìm kiếm các đối tác thương mại và đầu tư cho các doanh nghiệp Việt Nam, hỗ trợ quảng bá hàng hóa Việt Nam tại các hệ thống phân phói của Trung Quốc…; Theo dõi sát thông tin, biến động thị trường, các động thái chính sách của thị trường Trung Quốc..

Đối với Cục Xúc tiến thương mại: Tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu đối với nông sản có giá trị cao và năng lực sản xuất tốt của Việt Nam như trái sầu riêng, hoặc tổ yến… tại thị trường Trung Quốc; Tập trung nguồn lực tổ chức hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại đặc biệt là các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và tổ chức đoàn doanh nghiệp tham gia các Hội chợ triển lãm lớn tại thị trường Trung Quốc…

Cục Xuất nhập khẩu có trách nhiệm tăng cường công tác theo dõi, dự báo thị trường, ngành hàng trong nước và quốc tế để kịp thời thông tin cho doanh nghiệp và đề xuất phản ứng chính sách cho phù hợp; Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp tận dụng tối đa các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do Việt Nam và trung Quốc là viên của ACFTA, RCEP trong hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu..

Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Vụ Thị trường châu Á - châu Phi nghiên cứu các biện pháp quản lý của Trung Quốc tại Lệnh số 259 của Tổng cục Hải quan về biện pháp quản lý đối với việc chấp nhận kết quả giám định hàng hóa xuất nhập khẩu, trước mắt đối với mặt hàng dệt may để có thể kịp thời phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp liên quan của Việt Nam.

Các Thương vụ, Chi nhánh Thương vụ, Văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại Trung Quốc, tích cực tìm kiếm và kết nối đối tác xuất khẩu, nhập khẩu tại địa bàn phụ trách nhằm tìm đầu ra cũng như nguồn cung ứng hàng hóa cho các doanh nghiệp Việt Nam. Theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường (cung cầu, giá cả hàng hóa, dự trữ hàng hóa), những điều chỉnh chính sách có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và Trung Quốc; Tăng cường các hoạt động hỗ trợ kết nối, tìm kiếm các đối tác hợp tác thương mại và đầu tư cho các doanh nghiệp Việt Nam…

Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, tiếp tục trao đổi với phía Trung Quốc để thúc đẩy việc mở gian hàng quốc gia trên sàn thương mại điện tử JD.com nhằm thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng chất lượng cao, hàng nông sản, đặc sản của Việt Nam sang Trung Quốc..

Thu Hường

PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH: XU HƯỚNG TẤT YẾU CỦA NỀN KINH TẾ HIỆN TẠI VÀ TRONG TƯƠNG LAI

Tác động của thỏa thuận xanh châu Âu đến việc nhập khẩu hàng hóa vào EU

Thỏa thuận xanh châu Âu (EGD) có thể ảnh hưởng đến hàng nhập khẩu vào EU theo nhiều cách. Ngoài việc thiết lập các tiêu chuẩn bền vững cao hơn trong các quy trình sản xuất và công nghiệp chính, EGD sẽ yêu cầu các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp thêm thông tin về các sản phẩm mà họ xuất khẩu sang châu Âu. Điều này có nghĩa là tăng chi phí trong ngắn hạn và tăng khả năng cạnh tranh trong một thị trường toàn cầu bền vững trong dài hạn.

Thỏa thuận xanh châu Âu sẽ thay đổi các tiêu chuẩn hiện có để giúp các doanh nghiệp và chuỗi cung ứng bền vững hơn. Điều này sẽ tác động đến nhập khẩu vào châu Âu theo những cách sau:

Các tiêu chuẩn cao hơn về tính bền vững xã hội và môi trường trong sản xuất và chế biến hàng hóa và dịch vụ

Ngay cả khi luật pháp và các quy định không thay đổi hoặc không đi vào thực tiễn trong nhiều năm, thị trường đang chuyển hướng sang các sản phẩm đã được chứng minh là được sản xuất theo cách bền vững, tôn trọng quyền con người. Nói cách khác, người mua, đặc biệt là các công ty lớn hơn, đang tìm kiếm hàng hóa được sản xuất, chế biến và đóng gói theo tiêu chuẩn

cao về tôn trọng nhân quyền và môi trường. Các nhà bán lẻ lớn trên toàn cầu đã đồng ý về một thỏa thuận 2 năm với các công nhân may mặc và chủ nhà máy ở Bangladesh, mở rộng một thỏa thuận đã có từ trước khiến các nhà bán lẻ phải chịu trách nhiệm pháp lý trừ khi các nhà máy của họ đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn lao động.

Về cơ bản, tất cả các thương hiệu thực phẩm và đồ uống lớn đã cam kết tìm nguồn cung ứng nông sản một cách có trách nhiệm, và ngành thủy sản cũng đang làm theo. Trong lĩnh vực may mặc và dệt may, các công ty cũng đang truyền đạt ý định tạo ra một lĩnh vực tôn trọng quyền con người và cung cấp nguyên liệu bền vững. Ví dụ, nhà bán lẻ đường phố Zara đã thông báo 2 năm trước rằng họ sẽ chỉ sử dụng các loại vải bền vững vào năm 2025.

Tất cả những điều này có nghĩa là nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ được sản xuất bền vững ngày càng tăng. Các luật và biện pháp được đề xuất theo Thỏa thuận xanh châu Âu sẽ chỉ làm cho nhu cầu này mạnh mẽ hơn. Điều này mang đến cơ hội lớn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang sản xuất thực phẩm và dệt may tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững cao, như hữu cơ.

Tăng nhu cầu về thông tin về thực hành sản xuất và chế biến

Nhiều luật khác nhau đang được thảo luận để nâng cao trách nhiệm của các nhà sản xuất và nhà bán lẻ châu Âu trong việc giải thích hàng hóa được sản xuất ở đâu và như thế nào cũng như tác động của chúng đối với con người và môi trường. Chúng bao gồm các luật mới về nhân quyền và môi trường, cũng như các quy định về báo cáo phi tài chính.

Ngoài ra, các sáng kiến bền vững tự nguyện từ các chương trình chứng nhận và các sáng kiến riêng của công ty cũng đã làm tăng tính sẵn có của hàng hóa được bán trên thị trường là bền vững. Ngày nay, trong một số lĩnh vực, hàng hóa được chứng nhận bền vững chiếm một phần đáng kể trên thị trường. Cà phê đã được chứng nhận bền vững lâu nhất, hơn 30 năm. Các mặt hàng được chứng nhận khác đã chứng kiến thị phần tăng lên trong 10 năm qua. Trong một số trường hợp, sự tăng trưởng này thậm chí còn bắt đầu sớm hơn. Sản xuất hải sản, từ đánh bắt tự nhiên và nuôi trồng, ngày càng được kỳ vọng sẽ tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững cơ bản.

Nhìn chung, điều này có nghĩa là các doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất khẩu sang châu Âu chắc chắn sẽ cần phải điều chỉnh để cung cấp ngày càng nhiều thông tin về cách thức sản xuất hàng hóa và có khả năng sẽ bị kiểm tra về thông tin này. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, điều này có thể có nghĩa là thiết lập các hệ thống để thu thập thông tin từ các nhà cung cấp về hoạt động sản xuất và lao động cũng như giải thích nguồn gốc hàng hóa (còn gọi là truy xuất nguồn gốc). Ngoài ra, còn cần tuân thủ tiêu chuẩn bền vững tự nguyện, cho dù là chương trình chứng nhận hay sáng kiến riêng của công ty.

Các tiêu chuẩn cao hơn về tính bền vững xã hội và môi trường trong sản xuất và chế biến hàng hóa và dịch vụ

Ngay cả khi luật pháp và các quy định không thay đổi hoặc không đi vào thực tiễn trong nhiều năm, thị trường đang chuyển hướng sang các sản phẩm đã được chứng minh là được sản xuất theo cách bền vững, tôn trọng quyền con người. Nói cách khác, người mua, đặc biệt là các công ty lớn đang tìm kiếm hàng hóa được sản xuất, chế biến và đóng gói theo tiêu chuẩn cao về tôn trọng nhân quyền và môi trường. Gần đây, các nhà bán lẻ lớn trên toàn cầu đã đồng ý

về một thỏa thuận hai năm với các công nhân may mặc và chủ nhà máy ở Bangladesh, mở rộng thỏa thuận đã có từ trước khiến các nhà bán lẻ phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu nhà máy của họ không đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn lao động.

Về cơ bản, tất cả các thương hiệu thực phẩm và đồ uống lớn đã cam kết tìm nguồn cung ứng nông sản một cách có trách nhiệm, và ngành thủy sản cũng đang làm theo. Trong lĩnh vực may mặc và dệt may, các công ty cũng đang truyền thông về một kế hoạch sản xuất và cung cấp nguyên liệu bền vững và tôn trọng quyền con người. Ví dụ, nhà bán lẻ Zara đã thông báo hai năm trước rằng, kể từ năm 2025, họ sẽ chỉ sử dụng các loại vải bền vững.

Tất cả những điều này có nghĩa là nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ được sản xuất bền vững ngày càng tăng. Các luật và biện pháp được đề xuất theo Thỏa thuận xanh châu Âu sẽ chỉ làm cho nhu cầu này mạnh mẽ hơn. Điều này mang đến cơ hội lớn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang sản xuất thực phẩm và dệt may tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững cao, như sản xuất hữu cơ.

Tăng nhu cầu về thông tin về thực hành sản xuất và chế biến

Nhiều luật khác nhau đang được thảo luận để nâng cao trách nhiệm của các nhà sản xuất và nhà bán lẻ châu Âu trong việc giải thích hàng hóa được sản xuất ở đâu và như thế nào cũng như tác động của chúng đối với con người và môi trường. Chúng bao gồm các luật mới về nhân quyền và môi trường, cũng như các quy định về báo cáo phi tài chính.

Ngoài ra, các sáng kiến bền vững tự nguyện từ các chương trình chứng nhận và các sáng kiến riêng của công ty cũng làm gia tăng số sản phẩm bền vững được bán trên thị trường. Ngày nay, trong một số lĩnh vực, hàng hóa được chứng nhận bền vững chiếm một phần đáng kể trên thị trường. Cà phê đã được chứng nhận bền vững lâu nhất, hơn 30 năm. Thị phần của các mặt hàng được chứng nhận khác đã tăng lên trong 10 năm qua. Trong một số trường hợp, sự tăng trưởng này thậm chí còn bắt đầu sớm hơn. Sản xuất hải sản, từ đánh bắt tự nhiên và nuôi trồng, ngày càng được kỳ vọng sẽ tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững cơ bản.

Nhìn chung, điều này có nghĩa là các doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất khẩu sang châu Âu chắc chắn sẽ cần phải điều chỉnh để cung cấp ngày càng nhiều thông tin về cách thức sản xuất hàng hóa và có khả năng sẽ bị kiểm toán về thông tin này. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, điều này có thể có nghĩa là thiết lập các hệ thống để thu thập thông tin từ các nhà cung cấp về hoạt động sản xuất và lao động cũng như giải thích nguồn gốc hàng hóa (còn gọi là truy xuất nguồn gốc). Điều này cũng có nghĩa là tuân thủ tiêu chuẩn bền vững tự nguyện, cho dù là chương trình chứng nhận hay sáng kiến riêng của công ty.

Tăng chi phí chuyển đổi sang các mô hình sản xuất bền vững mới

Trong ngắn hạn, chắc chắn sẽ có những chi phí liên quan đến quá trình chuyển đổi sang một nền kinh tế tuần hoàn và bền vững hơn. Một số ví dụ về các chi phí này là sử dụng vật liệu tái chế, điều chỉnh quá trình sản xuất và chế biến theo tiêu chuẩn bền vững cao hơn, xác định khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm và đảm bảo kiểm toán đầy đủ các quy trình này. Câu hỏi ai sẽ chịu trách nhiệm cho những chi phí này vẫn đang được tranh luận rất nhiều.

Nhìn chung, còn quá sớm để biết Thỏa thuận xanh sẽ được thông qua và thực hiện như thế nào và chính xác điều này sẽ có ý nghĩa gì đối với khoản đầu tư mà các nhà sản xuất, xuất

khẩu hàng hóa sang EU dự kiến sẽ thực hiện cũng như tác động đối với chi phí hàng hóa. Những gì được biết là EU đã hứa về một quá trình chuyển đổi công bằng, có nghĩa là họ sẽ tính đến các tác động đối với các doanh nghiệp nhỏ và sẽ có thời gian để điều chỉnh các chi phí của quá trình chuyển đổi. Điều này cũng có thể có nghĩa là EU sẽ tạo ra các chương trình hỗ trợ thông qua chuỗi cung ứng hoặc trong các thỏa thuận tài trợ song phương/hợp tác với các quốc gia. Đáng chú ý là ở Châu Phi đã có một số chương trình hợp tác xanh.

Chuẩn bị cho các nhà xuất khẩu hàng hóa hướng tới một thị trường toàn cầu bền vững

Châu Âu không phải là thị trường quan trọng duy nhất xem xét các biện pháp pháp lý để tăng tính bền vững của các sản phẩm được giao dịch. Vương quốc Anh đã thông qua Đạo luật nô lệ hiện đại yêu cầu các công ty báo cáo về nguy cơ lao động cưỡng bức trong chuỗi cung ứng và Hoa Kỳ có lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa lao động cưỡng bức. Các hiệp ước quốc tế về biến đổi khí hậu có nghĩa là tất cả các quốc gia phải vạch ra kế hoạch để đạt được lượng khí thải thấp hơn trong 30 năm tới, điều này sẽ tác động đến chuỗi cung ứng ở khắp mọi nơi. Về lý thuyết, về lâu dài, không có thị trường nào miễn nhiễm với nhu cầu sản xuất vật liệu, hàng hóa và dịch vụ bền vững.

Ủy ban châu Âu công nhận rõ ràng rằng họ không thể đạt được các mục tiêu của Thỏa thuận xanh của EU chỉ trong phạm vi ranh giới của EU. Họ đã tuyên bố rằng "[…] các mục tiêu về tuần hoàn khó có thể đạt được nếu không đảm bảo rằng các nhà cung cấp ở các nước đang phát triển cũng áp dụng các thông lệ kinh doanh tuần hoàn." EU không chỉ cần và muốn hàng hóa và dịch vụ từ bên ngoài biên giới của mình, mà còn biết rằng tác động của biến đổi khí hậu, bất bình đẳng và suy thoái môi trường là toàn cầu. Vì điều này, EU đã đưa ra tuyên bố về việc đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng có tác động tích cực đến các doanh nghiệp nhỏ và hoạt động sản xuất hàng hóa bền vững bên ngoài châu Âu. Điều này có nghĩa là sẽ cần hỗ trợ quá trình chuyển đổi này dưới dạng này hay dạng khác.

Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển

Nhận diện và thích ứng với Thỏa thuận xanh EU

(HQ Online) - Liên minh châu Âu (EU) luôn nằm trong top đầu về kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Nhưng để duy trì và phát triển xuất khẩu bền vững, việc theo dõi và thích ứng với các chính sách trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh EU (The European Green Deal - EGD) là đòi hỏi cấp bách với các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của nước ta.

Các chính sách xanh của EU với ngành dệt may được đánh giá là phức tạp và thách thức hơn. Ảnh: H.Dịu

Nhận diện nhiều khó khăn, thách thức

Thỏa thuận Xanh EU (EGD) là chương trình tổng thể và dài hạn nhằm ứng phó với các vấn đề khẩn cấp về khí hậu toàn cầu đến năm 2050. Được thông qua ngày 15/1/2020, EGD định hình chiến lược của EU để đạt mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 (trung hòa về phát thải) và trở thành khu vực kinh tế sử dụng ít nhất các nguồn lực tự nhiên vào năm 2050.

Theo nghiên cứu của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trong tổng thể, các chính sách xanh của EU được thiết kế bao trùm nhiều lĩnh vực. Trong chưa đầy 4 năm triển khai EGD, EU đã có nhiều chính sách xanh đang hoặc dự kiến có ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào khu vực này.

Chẳng hạn, trong lĩnh vực nông nghiệp, chiến lược "Từ trang trại đến bàn ăn" (F2F) nêu các mục tiêu chuyển đổi xanh trong nhiều khía cạnh khác nhau của hoạt động sản xuất, tiêu thụ nông sản thực phẩm. Đối với lĩnh vực sản xuất chế biến, kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn mới (CEAP) liệt kê 35 chính sách nhằm xây dựng nền kinh tế xanh, sạch, tuần hoàn trong 7 chuỗi sản phẩm mục tiêu (điện tử - công nghệ thông tin, pin và phương tiện vận tải, bao bì đóng gói, nhựa, dệt may, xây dựng, thực phẩm và các sản phẩm dinh dưỡng). Ngoài

ra, còn có Chiến lược đa dạng sinh học, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM), Chiến lược hóa chất vì sự bền vững, các chính sách về rác thải tiêu dùng…

Thực tế từ trước đến nay, việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT), vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) thông thường của EU vốn đã không phải dễ dàng, trong khi các tiêu chuẩn tại EGD còn khắt khe hơn, nên các chính sách xanh của EU sẽ làm gia tăng các tiêu chuẩn "xanh, bền vững" đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Cùng với đó là gia tăng trách nhiệm tài chính của nhà sản xuất cho các mục tiêu "xanh, bền vững". Đồng thời đòi hỏi tăng thêm về thủ tục khai báo thông tin, về trách nhiệm giải trình khi nhập khẩu, hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về các khía cạnh "xanh, bền vững" của sản phẩm cho người tiêu dùng.

Ông Gabor Fluit, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham): Đòi hỏi nguồn lực để chuyển đổi xanh

Bối cảnh thương mại toàn cầu đang trải qua sự thay đổi mạnh mẽ. Người tiêu dùng đang ngày càng ưa chuộng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Vì thế, những doanh nghiệp thích ứng được sẽ tự khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đáp ứng những thay đổi này là cần thiết để duy trì khả năng cạnh tranh trong và ngoài nước. EuroCham sẽ nỗ lực hết mình để hỗ trợ Việt Nam trong quá trình chuyển đổi xanh. Nhưng vấn đề này đòi hỏi một nguồn lực khổng lồ, đặc biệt là nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động, triển khai công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng và thúc đẩy môi trường kinh doanh đổi mới sáng tạo.

Với các chính sách xanh được nhận diện tới thời điểm hiện tại, các nhóm sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam được dự báo sẽ chịu tác động mạnh nhất từ quá trình chuyển đổi xanh ở thị trường EU trong thời gian tới bao gồm: sản phẩm điện, điện tử, công nghệ thông tin, máy móc thiết bị, linh kiện liên quan; nông sản (đặc biệt là cà phê, điều, hạt tiêu, cacao, thịt,…), thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ; thực phẩm các loại (đặc biệt là thực phẩm hữu cơ); dệt may, giày dép; các loại hóa chất, phân bón, pin, ắc quy; sắt thép, nhôm, xi măng; bao bì của các loại sản phẩm (nhất là bao bì thực phẩm, hóa chất).

Ông Nguyễn Văn Tuyên, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tiến Đạt cho hay, thay vì là tiêu chuẩn tự nguyện như trước đây thì EU đã luật hóa để bắt buộc doanh nghiệp tuân thủ. Ông Tuyên nhận định, những doanh nghiệp mới xuất khẩu sẽ gặp thách thức về chi phí khi phải đầu tư nhiều cho công nghệ, nguyên liệu, sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn xanh.

Dẫn ví dụ từ chính doanh nghiệp của mình, theo ông Nguyễn Văn Tuyên, là doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và lâm sản, để đáp ứng yêu cầu về cấm chặt phá rừng của EU, doanh nghiệp đã phải làm việc với các đối tác nhập khẩu và phải trả chi phí cao hơn để nhập khẩu những nguyên liệu gỗ có chứng chỉ, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

Tương tự, ông Đỗ Tiến Trình, Tổng giám đốc Công ty Xi măng Vicem Bút Sơn chia sẻ, doanh nghiệp phải tăng thêm chi phí tín chỉ carbon từ 10-50 Euro/tấn sản phẩm, phải khai báo trung thực về phát thải CO2, nghiên cứu áp dụng nhiều giải pháp để giảm thải ra môi trường như

đốt lò bằng rác để giảm đốt than, dùng bùn thải thay thế bớt cho đất sét... Cùng với đó là những thách thức liên quan đến công nghệ và cơ chế chính sách để đáp ứng các quy chuẩn.

Còn với các doanh nghiệp dệt may và nông sản, các chính sách xanh của EU được đánh giá là phức tạp và thách thức hơn đáng kể, ví dụ như đối với tiêu chuẩn, các biện pháp, quy định đều tác động đến nhiều khâu trong chuỗi sản xuất từ thiết kế mẫu mã đến nguyên phụ liệu, từ sản xuất, nuôi trồng đến vận chuyển, từ sử dụng đến sửa chữa, từ thải bỏ đến tái chế… mà không chỉ áp dụng với thành phẩm cuối cùng.

Theo các chuyên gia, danh sách chính sách xanh liên quan tới hàng nhập khẩu từ bên ngoài vào EU sẽ còn tiếp tục được bổ sung cùng với tiến trình triển khai các mục tiêu trong EGD đến năm 2050, đặc biệt là trong giai đoạn từ nay tới 2030.

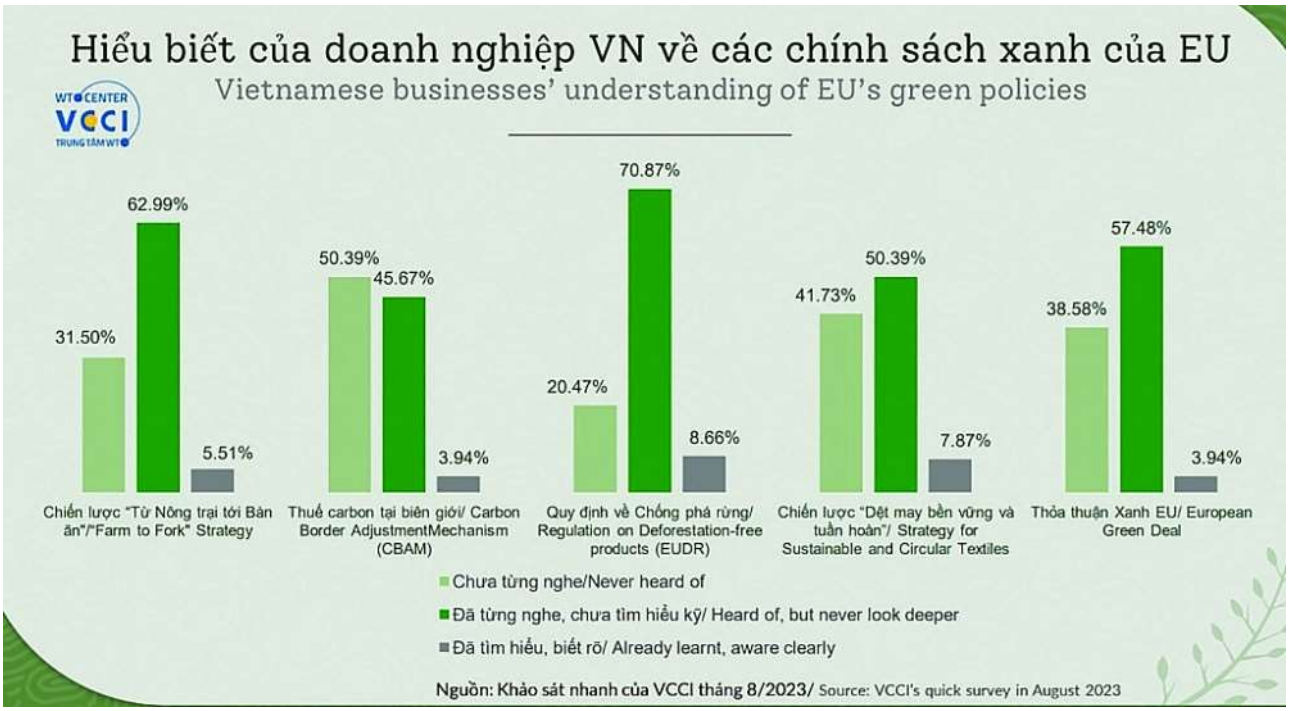

Hóa giải nguy cơ, đón bắt cơ hội dài hạn

Hiện nay, kinh tế khó khăn đang làm giảm sản lượng xuất khẩu sang EU. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, 9 tháng năm 2023, xuất khẩu sang EU ước đạt hơn 32,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với cùng kỳ năm trước, xuất siêu ước đạt 21,4 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 12,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, đây vẫn là thị trường rất tiềm năng với xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt với những cơ hội từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) mang lại.

Hiện hiểu biết của doanh nghiệp về EGD còn hạn chế nên Phó Chủ tịch VCCI Nguyễn Quang Vinh nhận định đây là đòi hỏi cấp bách đối với các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam để duy trì và phát triển xuất khẩu bền vững ở thị trường EU nói riêng và nhiều thị trường khác nói chung bởi các thị trường này cũng đang có những hành động chuyển đổi xanh theo hướng tương tự.

Ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam kiến nghị, dù quá trình chuyển đổi xanh của EU tạo ra lộ trình từng bước để có thể dần thích ứng, nhưng quỹ thời gian không còn nhiều khi có những quy định sẽ áp dụng ngay từ năm 2024 hoặc năm 2025, nên các cơ quan quản lý phải xây dựng cơ sở dữ liệu chung cho các doanh nghiệp chủ động nắm bắt và triển khai kịp thời.

Nhưng GS.TS. Andreas Stoffers, Giám đốc quốc gia Viện FNF Việt Nam cho rằng, để có thể vượt qua khủng hoảng có thể xảy ra, đạt mục tiêu ngắn và dài hạn, nền kinh tế Việt Nam cần nâng cao sức chống chịu và phát triển bền vững, trong đó, tiến tới sản xuất xanh, xuất khẩu xanh là một yếu tố quan trọng.

Hơn nữa, nhìn nhận một cách khách quan thì việc đáp ứng những tiêu chuẩn xanh, chính sách xanh của EU cũng là cơ hội giúp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp trong dài hạn. Không những thế, việc từng doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh trong nội địa nền kinh tế; mang đến sự bảo đảm nhất định cho khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp tới các thị trường phát triển khác vốn cũng đang thúc đẩy các hành động tương tự.

Chủ động chuyển đổi xanh đón cơ hội về thị trường

Mặc dù xuất khẩu của Việt Nam chịu nhiều tác động của Thỏa thuận Xanh EU (EDG), nhưng bà Nguyễn Thị Thu Trang *(ảnh),* Giám đốc Trung tâm WTO và hội nhập (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI) cho rằng, nếu doanh nghiệp chủ động chuyển đổi xanh thì không chỉ đáp ứng tốt các tiêu chuẩn xanh của EU mà còn đón đầu cơ hội về thị trường, hướng tới xuất khẩu bền vững.

Xin bà cho biết những tác động của Thỏa thuận Xanh EU (EGD) tới hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp?

Thỏa thuận xanh EU gồm rất nhiều mục tiêu, chính sách của EU để thực hiện mục tiêu trung hòa khí hậu đến năm 2050, nên từ đầu năm 2020, EU đã triển khai một loạt chiến lược và chính sách, hành động, kế hoạch cũng như đưa ra nhiều quy định cụ thể hóa các mục tiêu chính sách xanh. Theo rà soát của chúng tôi, đến hiện tại, gần 60 hành động để thực thi các thỏa thuận xanh của EU sẽ tác động tới doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam ở 3 góc độ chính.

Thứ nhất, làm gia tăng các tiêu chuẩn xanh đối với các sản phẩm hàng hóa sản xuất và xuất khẩu từ Việt Nam sang EU. Thứ hai, làm gia tăng trách nhiệm tài chính xanh của một số nhà sản xuất liên quan đến những sản phẩm có khả năng gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất khi nhập khẩu vào EU. Cuối cùng, làm gia tăng trách nhiệm giải trình về nguồn gốc sản phẩm cũng như về các yêu cầu liên quan đến tác động của quá trình sản xuất, sử dụng, thải bỏ sản phẩm đối với môi trường.

Tuy nhiên, việc thực hiện chuyển đổi xanh sẽ tác động trực tiếp tới tiến trình thực hiện phát triển bền vững ở Việt Nam, giúp các doanh nghiệp tiến gần hơn đến các tiêu chuẩn xuất khẩu, đáp ứng được đa dạng thị trường. Tất nhiên là nếu đi quá nhanh với mong muốn thực

hiện các yêu cầu cao ngay lập tức thì phần đông doanh nghiệp Việt Nam có thể chưa đáp ứng được, nên cần lộ trình cụ thể.

Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần chuẩn bị những gì, thưa bà?

Qua rà soát, chúng tôi thấy rằng EGD không phải một bộ tiêu chuẩn xanh cố định, cũng không phải là một kế hoạch mà là một lộ trình chi tiết đầy đủ và tổng thể cho việc chuyển đổi xanh của EU nên đó là tập hợp rất nhiều chính sách và đang diễn tiến rất nhanh chóng.

Vì thế, đối với các doanh nghiệp Việt Nam, điều quan trọng nhất là cần phải tìm hiểu để biết về những diễn tiến, hành động của EU trong khuôn khổ EGD có ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này. Đối với một số chính sách xanh của EU đã có hiệu lực và được thực hiện thì các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị để đáp ứng những tiêu chuẩn này. Bởi những tiêu chuẩn hiện tại mà chúng ta còn khó đáp ứng, thì với những tiêu chuẩn nâng cao về tính xanh của EU sẽ càng là thách thức mà các doanh nghiệp cần chuẩn bị để thích ứng.

Mặt khác, việc thực hiện những tiêu chuẩn xanh của EU không chỉ là câu chuyện của việc đáp ứng các yêu cầu của EU mà quan trọng hơn là để đáp ứng xu hướng thị trường khi ý thức tiêu dùng xanh của khách hàng EU cũng như toàn cầu ngày càng nâng cao. Nên như tôi đã nói ở trên, doanh nghiệp chủ động chuyển đổi xanh không phải chỉ để thực hiện những tiêu chuẩn bắt buộc mà để đón đầu cơ hội về thị trường, đáp ứng nhu cầu của tệp khách hàng xanh cho các mục tiêu lâu dài, xuất khẩu bền vững.

Theo bà, các cơ quan chức năng cần có những hỗ trợ nào cho doanh nghiệp về vấn đề này?

Hiện nay, đa phần chính sách xanh của EU mới chỉ đang ở dạng dự thảo, nên việc nhận diện với các doanh nghiệp còn khó khăn. Hơn nữa, với tính chất đan xen và thường xuyên, liên tục phát triển của các tiêu chuẩn xanh này thì việc thông tin và tìm hiểu của doanh nghiệp cũng là thử thách.

Vì thế, chúng tôi kỳ vọng các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là các cơ quan chức năng, thẩm quyền liên quan đến xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, các thương vụ của Việt Nam ở thị trường EU phải có thông tin kịp thời và cập nhật cho các doanh nghiệp về những diễn tiến, những chính sách xanh cụ thể có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam. Đồng thời, doanh nghiệp cũng kỳ vọng, các cơ quan quản lý nhà nước có thể tư vấn, hỗ trợ trong quá trình triển khai các tiêu chuẩn và thực hiện những tiêu chuẩn xanh của EU.

Đặc biệt, đối với những tiêu chuẩn xanh lần đầu tiên được ban hành thì các cơ quan quản lý nhà nước cần làm việc, trao đổi và tham vấn với các cơ quan có thẩm quyền của phía EU để chúng ta tìm được giải pháp tốt nhất, cũng như tạo thuận lợi và hiệu quả cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc thích ứng với những yêu cầu của EU.

Nhiều doanh nghiệp cho biết khó khăn về tài chính trong thực hiện chuyển đổi xanh, xin bà cho biết vấn đề này có cơ chế khắc phục như thế nào?

Trong khuôn khổ EGD có một mục tiêu chính sách liên quan đến tài chính. Chính phía EU cũng nhìn nhận, việc chuyển đổi xanh ngay cả với doanh nghiệp tại EU cũng thách thức nên phải có những chuẩn bị, những chương trình, những chính sách tài chính để "không ai bị bỏ lại phía sau". Có nghĩa là để có những biện pháp hỗ trợ về mặt tài chính thì các doanh nghiệp phải nỗ lực để tuân thủ những quy định của EU.

Vấn đề này với các doanh nghiệp Việt Nam càng cần phải chú ý hơn nữa. Khi nguồn lực chưa mạnh thì chuyển đổi xanh ở Việt Nam nên đi từng bước. Ngoài ra, EU cũng có những chương trình hợp tác để giúp chuyển đổi xanh là vấn đề toàn cầu nên chúng ta cần tìm hiểu và tận dụng những cơ hội này.

Xin cảm ơn bà!

Hương Dịu (thực hiện)

Tổng hợp danh mục các Tin cảnh báo WTO cần chú ý trong quý IV/2023

Mã thông báo	Quốc gia	Sản phẩm	Ngày thông báo
G/TBT/N/CAN/705	Canada	Sửa đổi quy định về ghi thông tin ký hiệu thành phần dinh dưỡng của hàng hóa và thực phẩm đóng gói sẵn (ICS Code: 67.230)	04/10/2023
G/TBT/N/CHE/282	Thụy Sĩ	Ghi nhãn thực phẩm – thể hiện thông tin tuyên bố về sức khỏe trên thực phẩm	06/10/2023
G/TBT/N/UKR/270	Ukraine	Dự thảo quy định đối với vật liệu và dụng cụ bằng nhựa có tiếp xúc với thực phẩm	06/10/2023
G/TBT/N/KOR/1176	Hàn Quốc	Sửa đổi Quy định về đánh giá của cơ quan kiểm nghiệm, kiểm nghiệm thực phẩm, dược phẩm	12/10/2023
G/TBT/N/KOR/1174	Hàn Quốc	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật về ghi nhãn và quảng cáo thực phẩm" - Ban hành quy định mới bắt buộc phải dán nhãn so sánh hàm lượng natri trên các phần thực phẩm	11/10/2023
G/TBT/N/CHN/1765	Trung Quốc	Dự thảo quy định Thực hành cung ứng trực tuyến tốt cho thiết bị y tế	24/10/2023
G/TBT/N/EU/1025-1026	EU	Dự thảo Quy định của Ủy ban từ chối cấp phép cho các tuyên bố về sức khỏe đối với thực phẩm, ngoại trừ những tuyên bố đề cập đến việc giảm nguy cơ mắc bệnh cũng như sự phát triển và sức khỏe của trẻ em	27/10/2023
G/TBT/N/IDN/160	Indonesia	Dự thảo Nghị định của Bộ trưởng Bộ Tôn giáo về xây dựng hệ thống hài hòa Hệ thống hóa các	02/11/2023

		loại sản phẩm bắt buộc phải chứng nhận Halal trong thực phẩm và đồ uống	
G/TBT/N/IDN/161	Indonesia	Dự thảo Nghị định của Cơ quan Tổ chức Đảm bảo Sản phẩm Halal số 20/2023 về việc xác định mức giá dịch vụ chung của BPJPH	02/11/2023
G/TBT/N/IDN/162	Indonesia	Nghị định của Trưởng Cơ quan Tổ chức Đảm bảo Sản phẩm Halal số 20 năm 2023 về Tiêu chí hệ thống đảm bảo sản phẩm Halal	02/11/2023
G/TBT/N/IDN/164	Indonesia	Nghị định của Trưởng Cơ quan Tổ chức Đảm bảo Sản phẩm Halal số 78 năm 2023 về Hướng dẫn chứng nhận Halal đối với thực phẩm và đồ uống có chế biến	02/11/2023
G/TBT/N/IDN/159	Indonesia	Dự thảo Quy định của Cơ quan Tổ chức Đảm bảo Sản phẩm Halal về Hướng dẫn công nhận và/hoặc đánh giá sự phù hợp của cơ quan chứng nhận Halal nước ngoài	02/11/2023
G/TBT/N/USA/2063	Hoa Kỳ	Sửa đổi quy định tại Chương 80: Giảm chất độc trong bao bì. Theo đó, cấm sử dụng phthalate và cố ý thêm các chất per- và polyfluoroalkyl (PFAS) vào bao bì thực phẩm.	06/11/2023
G/TBT/N/CAN/708	Canada	Dự thảo sửa đổi một số quy định liên quan đến phụ gia thực phẩm và tiêu chuẩn thành phần, tiêu chí vi sinh và phương pháp phân tích thực phẩm.	08/11/2023
G/TBT/N/RUS/152	Nga	Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật của Liên minh kinh tế Á-Âu "Về an toàn cá và sản phẩm cá" (EAEU TR 040/2016)	14/11/2023

G/TBT/N/KOR/1182	Hàn Quốc	Dự thảo Sửa đổi một phần Tiêu chuẩn kích thước và chất lượng sản phẩm gỗ	14/11/2023
G/TBT/N/IDN/165	Indonesia	Dự thảo Nghị định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về bắt buộc thực hiện quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm quần áo	21/11/2023
G/TBT/N/JPN/788	Nhật Bản	Tổng quan về các sửa đổi Tiêu chuẩn Nông nghiệp Nhật Bản đối với sản phẩm hữu cơ có nguồn gốc thực vật, thực phẩm chế biến hữu cơ và sản phẩm chăn nuôi hữu cơ	24/11/2023
G/TBT/N/CHN/1775	Trung Quốc	Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về việc sửa đổi Các biện pháp hành chính về ghi nhãn sinh vật biến đổi gen nông nghiệp	24/11/2023
G/TBT/N/EU/1036	EU	Dự thảo Quyết định thi hành của Ủy ban về việc không phê duyệt một số hoạt chất nhất định để sử dụng trong các sản phẩm diệt khuẩn theo Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện Châu Âu	01/12/2023

Indonesia thông báo Dự thảo Quy định về công nhận, đánh giá sự phù hợp của các tổ chức chứng nhận Halal nước ngoài

Ngày 02/11/2023, Indonesia thông báo Dự thảo Quy định về công nhận, đánh giá sự phù hợp của các tổ chức chứng nhận Halal nước ngoài.

Dự thảo quy định này nhằm mục đích hướng dẫn trong quá trình công nhận halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp của các tổ chức chứng nhận halal nước ngoài (LHLN). Hướng dẫn này cũng cung cấp các giai đoạn và quy trình để LHLN thuộc sở hữu của Chính phủ hoặc các Tổ chức tôn giáo Hồi giáo nộp đơn đăng ký để được BPJPH công nhận halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp. Quy định này gồm 23 Chương như sau:

– Cơ sở pháp lý;

– Tài liệu hành chính về Chứng nhận Halal và/hoặc Đánh giá sự phù hợp;

– Phạm vi thẩm quyền của các tổ chức chứng nhận Halal nước ngoài;

– Phí chứng nhận Halal và/hoặc Đánh giá sự phù hợp;

– Nộp đơn đăng ký chứng nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp;

– Kiểm tra đơn xin cấp chứng nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp;

– Đánh giá tại chỗ về Chứng nhận Halal và/hoặc Đánh giá sự phù hợp;

– Kết quả đánh giá chứng nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp của các tổ chức Halal nước ngoài và việc cấp Giấy chứng nhận kết quả đánh giá sự phù hợp

– Cấp Thư giới thiệu và Giấy chứng nhận công nhận;

– Xây dựng và ký kết các Hiệp định quốc tế hoặc Biên bản ghi nhớ về thỏa thuận chung (Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau/MRA);

– Giám sát; Đánh giá nhân chứng;

– Những thay đổi về dữ liệu của các tổ chức chứng nhận Halal nước ngoài;

– Tái công nhận và/hoặc Gia hạn Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau;

– Bổ sung Phạm vi Chứng nhận và/hoặc Đánh giá Sự phù hợp;

– Bảo mật; Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức chứng nhận Halal nước ngoài đã được cấp chứng nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp;

– Đình chỉ và thu hồi tình trạng công nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp và giảm phạm vi chứng nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp;

– Thông báo về những thay đổi đối với các yêu cầu công nhận Halal và/hoặc đánh giá sự phù hợp;

– Khiếu nại; Kháng cáo; Giải quyết tranh chấp; Đánh giá từ xa.

Mục tiêu để thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; Ngăn chặn các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng.

Ngày cuối cùng nhận ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

https://members.wto.org/crnattachments/2023/TBT/IDN/23_13279_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/IDN/159

****

Canada thông báo dự thảo sửa đổi quy định phụ gia thực phẩm

Ngày 08/11/2023, Canada thông báo dự thảo sửa đổi một số quy định liên quan đến phụ gia thực phẩm và tiêu chuẩn thành phần, tiêu chí vi sinh và phương pháp phân tích thực phẩm.

Các quy định được đề xuất sẽ sửa đổi Phần B của Quy định về Thực phẩm và Dược phẩm (FDR), cùng với các sửa đổi có mục tiêu đối với Phần A và D của FDR. Đặc biệt, các sửa đổi được đề xuất bao gồm giới thiệu các khuôn khổ hiện đại hóa để thiết lập và cập nhật các quy định về tiêu chuẩn thành phần thực phẩm, tiêu chí vi sinh và phương pháp phân tích, cũng như tiếp tục hiện đại hóa khuôn khổ phụ gia thực phẩm được khởi xướng vào năm 2012. Các quy định này cũng được thông báo theo G/SPS/N/CAN/1537 .

Mục tiêu của những sửa đổi được đề xuất này là góp phần làm cho hệ thống quản lý thực phẩm của Canada linh hoạt hơn, minh bạch hơn và đáp ứng được khoa học, công nghệ mới và mới nổi, đổi mới thị trường và các rủi ro đối với sức khỏe. Điều này sẽ được thực hiện bằng cách:

– Cho phép cập nhật hành chính đối với các tiêu chuẩn thành phần thực phẩm nhằm phản ánh thực tiễn thị trường hiện tại, giải quyết những thay đổi trong nhu cầu của người tiêu dùng, hài hòa chặt chẽ hơn với các đối tác thương mại, tạo điều kiện đổi mới sản phẩm và tạo thuận lợi cho thương mại thực phẩm giữa các tỉnh và quốc tế;

– Cho phép cập nhật hành chính đối với các tiêu chí vi sinh và các phương pháp phân tích liên quan để giúp đảm bảo rằng các quy định pháp lý nhằm giúp bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người Canada có thể được cập nhật để phản ánh khoa học mới nhất;

– Cho phép ngành công nghiệp và cơ quan quản lý sử dụng các phương pháp phân tích hiện đại và hiệu quả hơn để chứng minh các yêu cầu về hóa học, vật lý và/hoặc dinh dưỡng khác nhau đối với thực phẩm, cho phép các bên được quản lý theo kịp các đổi mới…

Ngày cuối cùng nhận ý kiến: ngày 2 tháng 2 năm 2024

https://canadagazette.gc.ca/rp-pr/p1/2023/2023-11-04/html/reg2-eng.html

Mã thông báo: G/TBT/N/CAN/708

****

Indonesia thông báo Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quần áo

Ngày 21/11/2023, Indonesia thông báo Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quần áo. Theo đó, Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này nêu rõ rằng tất cả quần áo được sản xuất trong nước hoặc được nhập khẩu, phân phối và tiếp thị trong nước phải đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật. Do đó, nhà sản xuất sản xuất các sản phẩm này phải tuân thủ các yêu cầu đã được chứng minh bằng việc có giấy chứng nhận sản phẩm sử dụng dấu hợp chuẩn.

Giấy chứng nhận sản phẩm về đánh dấu sự phù hợp sẽ được cấp bởi Cơ quan chứng nhận sản phẩm được KAN công nhận và được Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chỉ định thông qua việc kiểm tra sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với các yêu cầu của Thông số kỹ thuật.

Tổng cục Dệt may, Da giày, Bộ Công nghiệp là cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này và có trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật của Nghị định, trong đó bao gồm quy trình chứng nhận sản phẩm và đánh dấu hợp quy.

Sản phẩm được phân phối tại thị trường nội địa có nguồn gốc xuất xứ trong nước và được nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Phụ lục II của Quy chuẩn kỹ thuật hàng may mặc.

Mục tiêu để bảo vệ người tiêu dùng; Khía cạnh an toàn; tăng chất lượng sản phẩm; thiết lập thương mại công bằng; Bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người. Ngày cuối cùng nhận ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

https://members.wto.org/crnattachments/2023/TBT/IDN/23_13495_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/IDN/165

Phối hợp Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản Bình Thuận hướng dẫn các quy định về đo lường trong sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn lĩnh vực nông, lâm và thủy sản

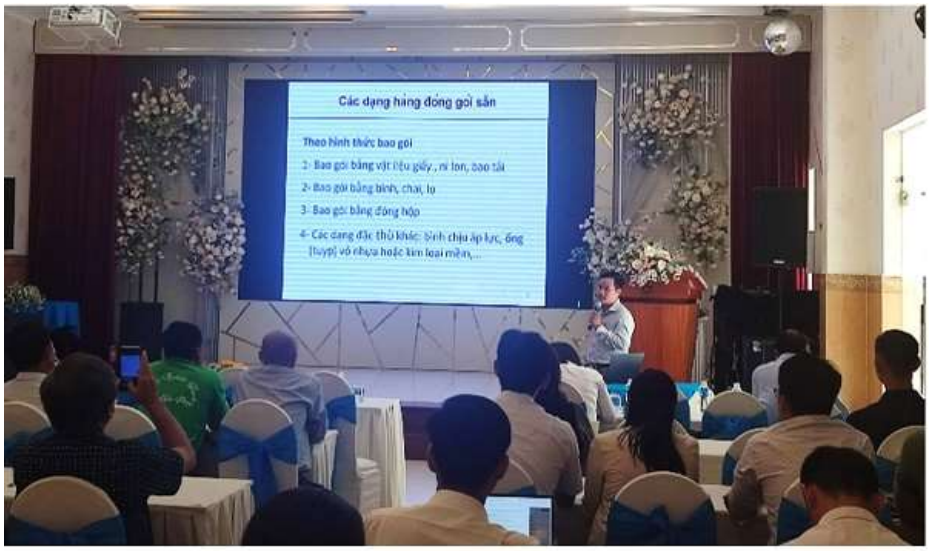

Ông Đặng Trịnh Thiên Hòa (công chức Chi cục TCĐLCL) hướng dẫn các quy định pháp luật về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn tại Hội nghị.

Thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm 2023 và nhằm giúp cho các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chế biến, sản xuất, kinh doanh hàng nông, lâm, thủy sản đóng gói sẵn nắm bắt đầy đủ các quy định quản lý về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Ngày 25/10/2023 vừa qua, tại hội trường khách sạn Bình Minh, Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản đã chủ trì, phối hợp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức Hội nghị quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh nông thủy sản.

Đến tham dự buổi tập huấn có 72 lượt người là đại diện của các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn lĩnh vực nông, lâm, thủy sản. Tại Hội nghị, các doanh nghiệp đã được nghe báo cáo viên của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn những quy định của pháp luật về quản lý đo lường và hướng dẫn cách ghi đơn vị đo pháp định, ghi lượng danh định, ghi nhãn sản phẩm hàng hóa và đảm bảo đo lường đối với hàng đóng gói sẵn. Ngoài ra, báo cáo viên cũng đã nêu ra một số vi phạm điển hình thường mắc phải và những quy định xử phạt tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021.

Cuối buổi tập huấn, các doanh nghiệp đã được giải đáp những vướng mắc, khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn thông qua phần trao đổi, thảo luận, qua đó giúp các doanh nghiệp nắm bắt được các quy định và hệ thống lại những yêu cầu bắt buộc của Nhà nước về đo lường.

Quốc Hưng

Kết quả thanh tra, kiểm tra lĩnh vực kinh doanh vàng và vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận trong năm 2023

Công chức Chi cục TCĐLCL đang kiểm tra việc ghi nhãn trên vàng trang sức, mỹ nghệ.

Thực hiện Quyết định số 209/QĐ-SKHCN ngày 13/12/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành năm 2023, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thành lập Đoàn kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với các tổ chức kinh doanh vàng và vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh. Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại 10 tổ chức.

Bên cạnh đó, Chi cục cũng đã cử công chức phối hợp với Thanh tra sở KH&CN tiến hành thanh tra tại 05 tổ chức kinh doanh vàng và vàng trang sức mỹ nghệ.

Kết quả 15 tổ chức kinh doanh vàng và vàng trang sức mỹ nghệ đều chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các phương tiện đo đang sử dụng để mua bán vàng đều được thực hiện kiểm định và còn hiệu lực sử dụng, các vị trí niêm phong, kẹp chì, tem kiểm định trên phương tiện đo đều còn nguyên vẹn; có thực hiện lưu hồ sơ chất lượng theo quy định.

Qua công tác thanh tra kiểm tra, góp phần nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật, đảm bảo đo lường, chất lượng của các tổ chức kinh doanh vàng và nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp người tiêu dùng.

Hoàng Tuân

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Trong năm 2023, công tác cải cách hành chính tại Chi cục được thực hiện nghiêm túc, niêm yết công khai thủ tục hành chính. Chi cục thực hiện duy trì tốt việc áp dụng hệ thống thư điện tử công vụ và phần mềm quản lý văn bản để giải quyết công việc giữa các phòng, đơn vị trực thuộc; công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được Lãnh đạo Chi cục quan tâm, chỉ đạo sâu sát; duy trì và vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, kết quả cụ thể về các mặt như sau:

Về công tác chỉ đạo điều hành: Chi cục đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 *(Kế hoạch số 19/KH-CCTĐC ngày 03/02/2023),* Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2023 tại Chi cục *(Kế hoạch số 23/KH-CCTĐC ngày 08/02/2023).* Đồng thời đã triển khai đến các phòng, đơn vị thuộc Chi cục để thực hiện tốt các nội dung theo Kế hoạch đề ra.

Đồng thời triển khai các văn bản do Sở KH&CN ban hành liên quan đến công tác cải cách hành chính đến các phòng, đơn vị thuộc Chi cục để biết thực hiện: Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế đánh giá xếp loại CCHC năm 2022; Kế hoạch về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp góp phần nâng cao chỉ số PAR Index, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS; Kế hoạch về nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Kế hoạch về thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Công văn về việc đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; Công văn số về việc triển khai Bộ chỉ số và báo cáo tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính hàng năm cấp tỉnh tại Sở KH&CN.

Để tăng cường công tác cải cách hành chính tại cơ quan trong năm 2023, Chi cục cũng đã ban hành Công văn số 77/CCTĐC-NV1 ngày 04/4/2023 đề nghị các phòng triển khai thực hiện. Đồng thời đã phục vụ Đoàn kiểm tra của Sở KH&CN về kiểm tra nội bộ cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 theo Kế hoạch số 321/KH-SKHCN ngày 21/3/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023. Qua kiểm tra, Chi cục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính tại đơn vị.

Triển khai Kế hoạch số 52/KH-SKHCN ngày 27/3/2023 của Sở KH&CN về tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm giải pháp, sáng kiến trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023", Chi cục đã tham gia 05 giải pháp/sáng kiến. Kết quả, được Hội

đồng chấm điểm của Sở công nhận 03 giải pháp/sáng kiến đạt giải nhất, nhì và ba trong cuộc thi.

Trong năm, Chi cục thực hiện tuyên tuyền các CCVC-NLĐ tích cực tham gia Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu về cải cách hành chính" tỉnh Bình Thuận do Sở Nội vụ tổ chức theo Kế hoạch số 2416/KH-SNV ngày 26/9/2023, với 144 lượt người tham gia. Ngoài ra, Chi cục thường xuyên đăng tin bài trên trang thông tin điện tử cơ quan nhằm phổ biến, tuyên truyền và triển khai công tác cải cách hành chính năm 2023 đến tổ chức, cá nhân cũng như toàn thể công chức, viên chức người lao động được biết.

Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2023 tại Chi cục *(Kế hoạch số 23/KH-CCTĐC ngày 08/02/2023).* Tham mưu văn bản về rà soát, đánh giá đơn giản hóa TTHC năm 2023*;* rà soát, thống kê và lập danh mục kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực*;* đề xuất danh mục TTHC thí điểm nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại bộ phận một cửa của Trung tâm Hành chính công; rà soát, thống kê TTHC nội bộ theo Quyết định số số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ*;* đăng ký danh mục TTHC tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích *(Công văn số 73/CCTĐC-NV1 ngày 30/3/2023).*

Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai dịch vụ công trực tuyến*;* đề xuất danh mục và tỷ lệ ưu đãi phí, lệ phí đối với người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Đăng ký danh mục TTHC triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình, triển khai thanh toán trực tuyến trong năm 2023. Triển khai rà soát thủ tục hành chính nội bộ liên quan đến nhiệm vụ Chi cục.

Trong năm 2023, Chi cục tiếp nhận và giải quyết 11/11 hồ sơ của cá nhân, tổ chức đúng và sớm hẹn. Không có nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Tham mưu và được Sở KH&CN phê duyệt nhiệm vụ chủ yếu năm 2023 của Chi cục. Tham mưu Giám đốc Sở KH&CN bổ nhiệm lại chức danh Chi cục trưởng. Xây dựng kế hoạch và thực hiện tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031.

Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL giải quyết cho thôi việc đối với 03 viên chức theo nguyện vọng, tuyển dụng 02 người lao động. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL thực hiện bổ nhiệm 03 viên chức giữ chức vụ Phó Trưởng các phòng thuộc Trung tâm; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho 01 viên chức.

Về cải cách chế độ công vụ, công chức: Đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, người lao động năm 2023. Thực hiện rà soát, cập nhật dữ liệu phần mềm quản lý CBCCVC; báo cáo việc thực hiện biên chế năm 2023 và xây dựng kế hoạch biên chế năm 2024. Thực hiện công tác tự kiểm tra, rà soát văn bằng, chứng chỉ của công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị. Xây dựng Đề án vị trí việc làm công chức và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Triển khai thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cho 03 người lao động tại Chi cục.

Chi cục cử 04 lượt công chức tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa; lớp đào tạo cán bộ tư vấn, hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đảm bảo đo lường; 14 lượt công chức tham gia lớp tập huấn về nghiệp vụ Giải thưởng chất lượng quốc gia, hội nghị

tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học công nghệ năm 2023 tại Cần Thơ, hội thảo Hướng dẫn triển khai hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Thông tư số 26/2022/TT-BKHĐT và Thông tư số 52/2023/TT-BTC tại TP.Hồ Chí Minh, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số do Sở Nội vụ tổ chức.

Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL cử 19 lượt viên chức tham gia các lớp đào tạo trong các lĩnh vực thử nghiệm, kiểm định, HTQLCL, khóa đào tạo nguồn nhân lực để thành lập tổ chức trung gian KHCN, hiệu chuẩn cân không tự động (cấp I, II, III, IV), phát triển mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; 08 lượt viên chức tham gia hội thảo tập huấn trong công tác chuyên môn và công tác khác, lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên và chuyên viên chính.

Nâng bậc lương thường xuyên cho 03 công chức, 05 viên chức và đề nghị phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 01 công chức. Triển khai công tác xét, công nhận sáng kiến năm 2023. Chi cục cũng đã thực hiện đảm bảo các quy định về tuyển dụng, sử dụng và bố trí công chức tại đơn vị. Đề nghị Giám đốc Sở xem xét, quyết định bổ nhiệm ngạch công chức chuyên ngành kế toán; chuyển ngạch chuyên viên (mã số ngạch 01.003) cho 01 công chức; xem xét, quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho 01 công chức sau thời gian tập sự theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 32-CT/TU ngày 31/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Về cải cách tài chính công: Chi cục tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Chi cục sau Hội nghị CC-NLĐ năm 2022 *(Quyết định số 01/QĐ-CCTĐC ngày 03/01/2023).*

Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được duy trì và phát huy hiệu quả trong việc phục vụ cải cách hành chính. Thực hiện ký số và gửi văn bản điện tử qua hệ thống thông tin điện tử của tỉnh Bình Thuận; 100% văn bản được ký số, gửi và xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ, phần mềm một cửa điện tử của tỉnh. Định kỳ, thực hiện viết tin, bài về cải cách hành chính đăng trên trang website Chi cục và website Sở.

Chi cục tiếp tục áp dụng và duy trì đạt hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2023: Triển khai xây dựng kế hoạch áp dụng, duy trì, cải tiến; xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch rủi ro và cơ hội năm 2023; sửa đổi bổ sung tài liệu HTQLCL ISO 9001:2015 năm 2023 của Chi cục; tổ chức đánh giá nội bộ và họp xem xét lãnh đạo năm 2023.

Về triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong cơ quan hành chính nhà nước: Báo cáo kết quả về tình hình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính Nhà nước của tỉnh Bình Thuận năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; văn bản thông báo kết quả kiểm

tra hoạt động duy trì HTQLCL theo TCVN ISO 9001 qua hồ sơ, báo cáo năm 2022; văn bản triển khai công tác duy trì, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2023.

Hướng dẫn và đôn đốc 18 UBND cấp xã triển khai xây dựng mới HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2023. Tổ chức 01 lớp tập huấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho 18 UBND cấp xã năm 2023 và tổ chức 04 lớp tập huấn hướng dẫn các hoạt động duy trì áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho UBND cấp xã, UBND cấp huyện với 560 lượt cán bộ, công chức tham dự.

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 612/KH-UBND ngày 02/3/2023 về kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan Nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2023. Đến nay, đã thực hiện kiểm tra trực tiếp 34/34 cơ quan và đang kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo 110 cơ quan đảm bảo theo Kế hoạch. Bên cạnh đó, Chi cục đang tổ chức kiểm tra đối với các UBND cấp xã triển khai xây dựng HTQLCL trong năm 2023 (đã kiểm tra 7/18 cơ quan).

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2023, Chi cục đề ra một số nhiệm vụ để thực hiện trong năm 2024, như sau:

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 32-CT/TU ngày 31/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 25/04/2019 của UBND tỉnh, đảm bảo các hồ sơ giải quyết cho công dân đúng và sớm hẹn.

Kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan Nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2024.

Phạm Cúc